

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Chu Thị Hằng
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN
NHẪM QUẢN LÝ TỐT CÔNG NỢ TẠI CÔNG TY
TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI PHÚC LAI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Chu Thị Hằng
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Chu Thị Hằng

Mã SV: 1112401011

Lớp: QT1505K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán nhằm quản lý tốt công nợ tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngàythángnăm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NSUT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	4
1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán	4
1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua	5
1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua	5
1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua	5
1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua	7
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán	12
1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán	12
1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán	12
1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán	14
1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ	20
1.4.1. Tỷ giá và quy định về tỷ giá sử dụng trong kế toán	20
1.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán	23
1.5.1. Hình thức kế toán nhật ký chứng từ	23
1.5.2. Hình thức kế toán nhật ký sổ cái	24
1.5.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	25
1.5.4. Hình thức kế toán nhật ký chung	26
1.5.5. Hình thức kế toán máy	27
1.6. Phân tích một số chỉ tiêu về khả năng thanh toán của doanh nghiệp	27
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI PHÚC LAI	30
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán các khoản thanh toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai	30
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai	30
2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai	32
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai	33

_Toc4044542162.1.4. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai.....	36
2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai	36
2.2.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua.....	36
2.2.2. Nội dung hạch toán với người mua tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai	37
2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại Phúc Lai	52
2.3.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán.....	52
2.3.2. Nội dung hạch toán với người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai	53
2.4. Thực trạng phân tích tình hình tài chính thông qua phân tích tình hình, nhu cầu và khả năng thanh toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai.....	62
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN NHẪM QUẢN LÝ TỐT CÔNG NỢ TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI PHÚC LAI.....	65
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai	65
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán	67
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán.....	68
3.4. Nội dung và phương thức hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán nhằm quản lý tốt công nợ tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai	69
3.4.1. Kiến nghị 1: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi.....	69
3.4.2. Kiến nghị 2: Hoàn thiện chính sách chiết khấu trong thanh toán.....	73
3.4.3. Kiến nghị 3: Tin học hóa công tác kế toán	74
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán tại công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại Phúc Lai.....	77
3.5.1. Về phía nhà nước	77
3.5.2. Về phía doanh nghiệp	77
KẾT LUẬN	79
TÀI LIỆU THAM KHẢO	81

DANH MỤC BIỂU MẪU

Biểu số 2.1: Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong 3 năm 2011 – 2012 – 2013	31
Biểu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0006501	38
Biểu số 2.3: Bảng kê hàng hóa.....	39
Biểu số 2.4: Sổ chi tiết phải thu khách hàng (mở cho Hưng Thịnh)	40
Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT số 0006542	41
Biểu số 2.6: Phiếu thu số 18.....	43
Biểu số 2.7: Giấy báo có của ngân hàng ACB.....	44
Biểu số 2.8: Phiếu xác định chiết khấu thanh toán	45
Biểu số 2.9: Sổ chi tiết phải thu khách hàng (mở cho công ty Phương Ngọc)....	47
Biểu số 2.10: Sổ chi tiết phải thu khách hàng (mở cho công ty Công Nghiệp)...	48
Biểu số 2.11: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng	49
Biểu số 2.12: Sổ nhật ký chung.....	50
Biểu số 2.13: Sổ cái tài khoản 131	51
Biểu 2.14: Hóa đơn GTGT số 0018086	53
Biểu số 2.15: Sổ chi tiết phải trả người bán (mở cho công ty Hồng Hà).....	55
Biểu số 2.16: Hóa đơn GTGT số 0018107	56
Biểu số 2.17: Phiếu chi số 27	57
Biểu số 2.18: giấy báo nợ của ngân hàng ACB	58
Biểu số 2.19: Bảng tổng hợp phải trả người bán	59
Biểu số 2.20: Sổ nhật ký chung.....	60
Biểu số 2.21: Sổ cái tài khoản 331	61
Biểu số 2.22: Bảng cân đối kế toán (rút gọn) năm 2013.....	62

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán thanh toán với khách hàng	11
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán thanh toán với người bán	19
Sơ đồ 1.3: Trình tự hạch toán thanh toán với người mua bằng ngoại tệ	21
Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ	22
Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức nhật ký chứng từ	23
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký - sổ cái	24
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ:	25
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung:	26
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy	27
Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai	32
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai	33
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai	35
Sơ đồ 3.1: Trình tự hạch toán tài khoản 139 – dự phòng phải thu khó đòi	72
Sơ đồ 3.2: Sơ đồ hạch toán tài khoản 635	74

DANH MỤC CÁC CHỮ VẾT TẮT

STT	Ký hiệu viết tắt	Tên ký hiệu
1	BTC	Bộ tài chính
2	CKTM	Chiết khấu thương mại
3	CKTT	Chiết khấu thanh toán
4	GBC	Giấy báo có
5	GBN	Giấy báo nợ
6	GTGT	Giá trị gia tăng
7	PT	Phiếu thu
8	PTCK	Phiếu tính chiết khấu
9	TSNH	Tài sản ngắn hạn
10	TKĐƯ	Tài khoản đối ứng
11	TM	Thương mại
12	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
13	UNC	Ủy nhiệm chi

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Kinh tế là nguồn sống của một quốc gia. Một quốc gia muốn phát triển thì nền kinh tế của quốc gia đó phải phát triển. Từ khi có chính sách mở cửa của nhà nước, nền kinh tế nước ta đã có nhiều khởi sắc. Kinh tế phát triển dẫn đến các hoạt động mua bán trao đổi hàng hóa ngày càng phong phú đa dạng. Một doanh nghiệp dù lớn hay bé, dù hoạt động trong bất cứ ngành nghề nào cũng đều không thoát khỏi mối quan hệ với người mua, người bán và các cơ quan nhà nước, thậm chí cả trong nội bộ doanh nghiệp. Mối quan hệ với người mua, người bán có thể là giao dịch trao đổi hàng hóa, cung cấp dịch vụ; mối quan hệ với nhà nước có thể là các lĩnh vực như pháp luật; các chính sách, các chế độ, nghĩa vụ đóng thuế theo quy định của pháp luật. trong nội bộ doanh nghiệp có thể là cung cấp vật tư nguyên liệu, ra chỉ thị, chỉ tiêu cho đơn vị cấp dưới, nộp quỹ, báo cáo cho cấp trên.

Cơ chế thị trường đòi hỏi mỗi doanh nghiệp kinh doanh phải có lãi nếu không sẽ không thể đứng vững trước sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp khác. Một trong số những điều quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp đó là phải tổ chức tốt các nghiệp vụ về kế toán thanh toán, phân tích tình hình và khả năng thanh toán của chính bản thân doanh nghiệp để từ đó có thể nắm bắt và làm chủ tình hình tài chính của mình, thông qua đó có những biện pháp tích cực xử lý tốt tình hình công nợ.

Tình hình tài chính của doanh nghiệp phản ánh tình hình hoạt động của doanh nghiệp có hiệu quả hay không. Phải xem xét tình hình tài chính để có thể tham gia ký kết các hợp đồng có đủ khả năng thanh toán để đảm bảo an toàn và hiệu quả cho doanh nghiệp. Nghiệp vụ thanh toán xảy ra ở cả quá trình mua hàng và tiêu thụ, vì vậy nó liên quan mật thiết đến các nghiệp vụ quỹ và nghiệp vụ tạo vốn. Như vậy có thể nói, thanh toán là nghiệp vụ có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp, nó góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Trong tình hình thế giới hiện nay, chính trị bất ổn, kinh tế khó khăn, giá cả leo thang, hàng sản xuất ra tiêu thụ kém. Do đó với doanh nghiệp vấn đề vốn để duy trì sự hoạt động sản xuất kinh doanh là vô cùng cần kíp. Đối với công ty

TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai với hoạt động chủ yếu là kinh doanh thương mại thì vấn đề vốn lại càng quan trọng, vì các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu liên quan đến công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán. Giải quyết tốt vấn đề công nợ là một cách tích cực để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh. Vì vậy việc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với việc tăng cường và quản lý công nợ là việc làm thực sự cần thiết có ý nghĩa.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó và với những cơ sở lý luận thầy cô trang bị ở trường học cùng với những kiến thức thực tế học hỏi được từ công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai trong quá trình thực tập; em đã mạnh dạn đi sâu, tìm hiểu và lựa chọn đề tài: “ ***Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán nhằm quản lý tốt công nợ tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai***” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Nghiên cứu những lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong các doanh nghiệp.
- Mô tả được thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai
- Qua nghiên cứu lý luận và mô tả thực trạng có thể đưa ra những đề xuất hợp lý để giúp công ty hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán nhằm quản lý tốt công nợ tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai
- Về thời gian: lấy số liệu phân tích năm 2013 và số liệu kế toán thanh toán tập trung trong tháng 6 năm 2014

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán: phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối.
- Phương pháp thống kê so sánh
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu

5. Kết cấu của khóa luận

Ngoài phần mở đầu và kết luận đề tài gồm có ba chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán thanh toán trong các doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán nhằm quản lý tốt công nợ tại Công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

Chương 3: Một số kiến nghị hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán nhằm quản lý tốt công nợ tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán

Thanh toán: là sự chuyển giao tài sản của một bên (người hoặc công ty, tổ chức) cho bên kia, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

Phương thức thanh toán là cách thức nhận trả tiền hàng trong giao dịch mua bán giữa các cá nhân, các đơn vị, các doanh nghiệp với nhau, hai bên đồng thời thống nhất phương thức thanh toán áp dụng cho giao dịch đó. Có hai nhóm phương thức thanh toán cơ bản là: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

***Phương thức thanh toán bằng tiền mặt:** Là bên mua xuất tiền mặt ra khỏi quỹ để thanh toán trực tiếp cho bán khi nhận được vật tư hàng hóa, chủ yếu áp dụng cho những giao dịch phát sinh với số tiền nhỏ, nghiệp vụ đơn giản và khoảng cách đại lý giữa hai bên hẹp.

***Phương thức thanh toán không bằng tiền mặt:** Phương thức này ngày càng được sử dụng rộng rãi vì tính thuận tiện, tiết kiệm thời gian, chi phí cũng như giảm đáng kể lượng tiền trong lưu thông. Phương thức thanh toán không bằng tiền mặt bao gồm phương thức thanh toán bằng ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, phương thức thanh toán nhờ thu phiếu tron, phương thức thanh toán nhờ thu kèm chứng từ, phương thức tín dụng chứng từ...

- **Phương thức thanh toán ủy nhiệm** thường được các doanh nghiệp sử dụng đối với các đối tượng đã có quan hệ buôn bán với doanh nghiệp từ trước và trong cùng một quốc gia. Đây là một phương thức có lợi cho doanh nghiệp bởi thủ tục đơn giản.
- **Phương thức nhờ thu phiếu tron** là phương thức thanh toán mà trong đó người bán ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền của người mua trên cơ sở hồi phiếu do mình lập ra còn chứng từ gửi hàng thì gửi thẳng cho người mua không thông qua ngân hàng.

- **Phương thức thanh toán nhờ thu kèm chứng từ** là phương thức trong đó người bán ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền ở người mua không có những căn cứ vào hối phiếu mà còn căn cứ vào bộ chứng từ gửi hàng kèm theo với điều kiện là người mua trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền hối phiếu thì ngân hàng mới trao bộ chứng từ gửi hàng cho người mua để nhận hàng.
- **Phương thức tín dụng chứng từ** là sự thỏa thuận trong đó một ngân hàng mở thư tín dụng theo yêu cầu của người mở thư tín dụng cam kết hay cho phép ngân hàng khác chi trả hoặc chấp nhận hối phiếu cho một người trong phạm vi số tiền của thư tín dụng khi người này xuất trình cho ngân hàng bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những quy định đề ra trong thư tín dụng.

1.2.Nội dung kế toán thanh toán với người mua

1.2.1.Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua

- Phải thu khách hàng là khoản thu tiền mà khách hàng đã mua nợ doanh nghiệp do đã được cung cấp sản xuất, hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa thanh toán tiền. Đây là khoản nợ phải thu chiếm tỷ trọng lớn nhất phát sinh thường xuyên và cũng gặp nhiều rủi ro nhất trong các khoản nợ phải thu phát sinh tại doanh nghiệp.

- Kế toán các khoản phải thu khách hàng theo dõi chi tiết theo từng khách hàng, theo từng nội dung phải thu phát sinh để đáp ứng nhu cầu thông tin về đối tượng phải thu, nội dung phải thu, tình hình thanh toán và khả năng thu hồi nợ.

1.2.2.Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua

a, Chứng từ sử dụng

Khách hàng của doanh nghiệp có thể là một tổ chức, một cơ quan, công ty xí nghiệp, hay hộ gia đình...

Trong quá trình bán hàng và thanh toán công ty sử dụng các chứng từ sau:

- Hợp đồng bán hàng
- Hóa đơn bán hàng (hóa đơn GTGT)
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có

b, Tài khoản và sổ sách sử dụng

***Tài khoản sử dụng:**Tài khoản 131: Phải thu khách hàng để hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với khách hàng.

Kết cấu tài khoản 131:

Bên Nợ:

- Số tiền phải thu của khách hàng về sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, TSCĐ đã giao, dịch vụ đã cung cấp và được xác định là đã bán trong kỳ;
- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.

Bên Có:

- Số tiền khách hàng đã trả nợ;
- Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng;
- Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại;
- Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (Có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT);
- Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua.

Số dư bên Nợ:

Số tiền còn phải thu của khách hàng.

Tài khoản này có thể có số dư bên Có. Số dư bên Có phản ánh số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể. Khi lập Bảng Cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

*** Sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết phải thu khách hàng
- Sổ tổng hợp phải thu khách hàng
- Sổ cái tài khoản 131

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua

NV1: Doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư xuất bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ. Kế toán ghi số tiền phải thu của khách hàng nhưng chưa thu:

- Đối với hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế GTGT, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng (Tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Chưa thuế)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Đối với hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo tổng giá thanh toán, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Đã gồm cả thuế)

NV2: Trường hợp hàng bán bị khách hàng trả lại:

- Đối với hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 531 - Hàng bán bị trả lại (Giá bán chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (Số thuế GTGT của hàng bị trả lại)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 111, 112, . . .

- Đối với hàng hoá không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, doanh thu hàng bán bị trả lại, ghi:

Nợ TK 531 - Hàng bán bị trả lại

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

NV 3: Căn cứ chứng từ xác nhận số tiền được giảm giá của lượng hàng đã bán cho khách hàng không phù hợp với quy cách, chất lượng hàng hoá ghi trong hợp đồng, nếu khách hàng chưa thanh toán số tiền mua hàng, kế toán ghi giảm trừ số tiền phải thu của khách hàng về số tiền giảm giá hàng bán:

- Đối với hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 532 - Giảm giá hàng bán (Giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311) (Thuế GTGT của hàng giảm giá)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (Tổng số tiền giảm giá).

- Đối với hàng hoá không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp:

Nợ TK 532 - Giảm giá hàng bán

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

NV 4: Nhận được tiền do khách hàng trả (Kể cả tiền lãi của số nợ - nếu có) liên quan đến sản phẩm, hàng hoá, BĐS đầu tư đã bán, dịch vụ đã cung cấp, ghi:

Nợ các TK 111, 112, . . .

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Phần tiền lãi).

NV 5: Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

Có TK 111 - Tiền mặt

Có TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

NV 6: Số chiết khấu thương mại phải trả cho người mua trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

NV 7: Nhận tiền ứng trước, trả trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, . . .

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

NV 8: Phương pháp kế toán các khoản phải thu của nhà thầu đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng:

TH1: Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, kế toán căn cứ vào chứng từ phản ánh doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành (không phải hóa đơn) do nhà thầu tự xác định:

Nợ TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Căn cứ vào hóa đơn được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

TH 2: Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn trên cơ sở phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

TH 3: Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131- Phải thu của khách hàng

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

TH 4: Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (ví dụ: Sự chậm trễ do khách hàng gây nên; sai sót trong các chỉ tiêu kỹ thuật hoặc thiết kế và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng), ghi:

Nợ TK 131- Phải thu của khách hàng

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

TH 5: Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng, ghi:

Nợ các TK 111, 112, . . .

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

NV 9: Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (theo phương thức hàng đổi hàng), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá nhận trao đổi (tính theo giá hợp lý ghi trong Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 - Hàng hoá

Nợ TK 611 - Mua hàng (Trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

NV 10: Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xoá sổ:

- Căn cứ vào biên bản xử lý xoá nợ, ghi:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi (Số đã lập dự phòng)

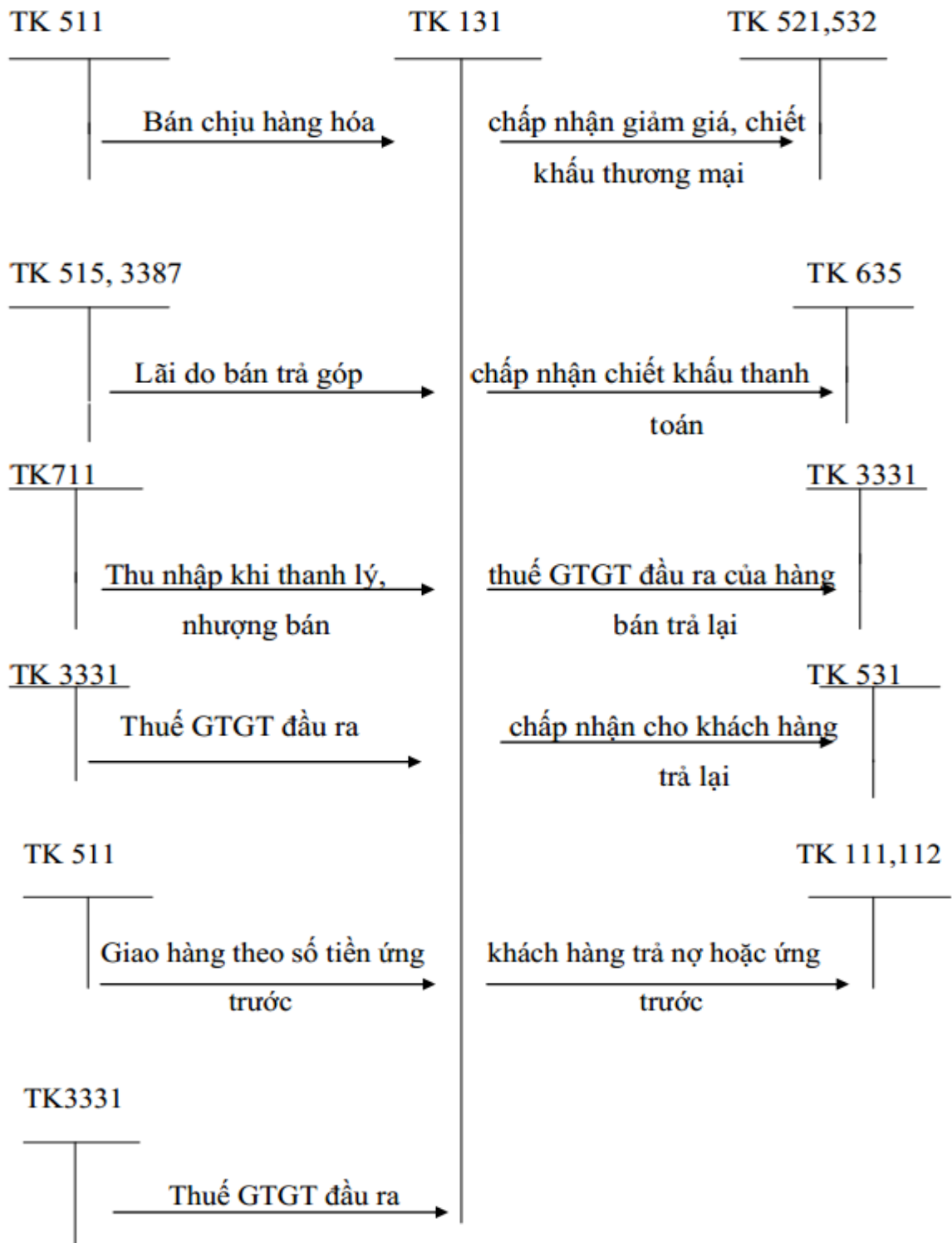
Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Số chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

Đồng thời, ghi vào bên Nợ TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” nhằm tiếp tục theo dõi trong thời hạn quy định để có thể truy thu người mắc nợ số tiền đó.

Trình tự hạch toán thanh toán với khách hàng được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán thanh toán với khách hàng



1.3.Nội dung kế toán thanh toán với người bán

1.3.1.Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

- Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp vật tư, hàng hoá, dịch vụ, hoặc cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

- Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua vật tư, hàng hoá, dịch vụ trả tiền ngay (bằng tiền mặt, tiền séc hoặc đã trả qua Ngân hàng).

- Những vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hoá đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.

- Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp ngoài hoá đơn mua hàng.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán

a, Chứng từ sử dụng:

Trong kế toán thanh toán với người bán, kế toán thường sử dụng những chứng từ sau:

- Hợp đồng mua hàng
- Phiếu nhập kho
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi
- ...

b, Tài khoản và sổ sách sử dụng:*** Sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết thanh toán cho từng người bán
- Sổ tổng hợp thanh toán người bán
- sổ cái tài khoản 331

*** Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 331: Phải trả người bán

Kết cấu tài khoản 331: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho nhà cung cấp, đồng thời phản ánh tình hình thanh toán của doanh nghiệp về các khoản nợ phải trả.

Bên Nợ:

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp;
- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao;
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hoá hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng;
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào nợ phải trả cho người bán;
- Giá trị vật tư, hàng hoá thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.

Bên Có:

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp;
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức.

Số dư bên Có:

Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.

Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ: phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. Khi lập Bảng Cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở Tài khoản này để ghi 2 chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán

NV 1: Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền cho người bán về nhập kho, hoặc gửi đi bán thẳng không qua kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ:
 - Nếu vật tư, hàng hoá mua vào dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ (Giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 156 - Hàng hoá (Giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 157 - Hàng gửi đi bán (Giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

- Nếu vật tư, hàng hoá mua vào dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, thì giá trị vật tư hàng hoá gồm cả thuế GTGT (Tổng giá thanh toán), ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 - Hàng hoá

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thì giá trị vật tư, hàng hoá mua vào bao gồm cả thuế GTGT (Tổng giá thanh toán), ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 - Hàng hoá

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

NV 2: Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền cho người bán về nhập kho, hoặc gửi đi bán thẳng không qua kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ:
 - Nếu vật tư, hàng hoá mua vào dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (Giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

- Nếu vật tư, hàng hoá mua vào dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thì giá trị vật tư, hàng hoá mua vào bao gồm cả thuế GTGT, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (Tổng giá thanh toán)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì giá trị vật tư, hàng hoá mua vào là tổng giá thanh toán, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (Tổng giá thanh toán)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

NV 3: Mua TSCĐ chưa trả tiền cho người bán đưa vào sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, căn cứ hoá đơn của người bán, biên bản giao nhận TSCĐ và các chứng từ liên quan, trường hợp doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ:

- Nếu TSCĐ mua vào sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình (Giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 213 - TSCĐ vô hình (Giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1332)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

- Nếu TSCĐ mua vào sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, thì nguyên giá TSCĐ mua vào bao gồm cả thuế GTGT (Tổng giá thanh toán), ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình

Nợ TK 213 - TSCĐ vô hình

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

NV 4: Trường hợp đơn vị có thực hiện đầu tư XD CB theo phương thức giao thầu, khi nhận khối lượng xây, lắp hoàn thành bàn giao của bên nhận thầu xây lắp, căn cứ hợp đồng giao thầu và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp, hoá đơn khối lượng xây lắp hoàn thành:

- Nếu đầu tư XD CB hình thành TSCĐ sử dụng để sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 241 - XD CB dở dang (Giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

- Nếu đầu tư XDCB hình thành TSCĐ sử dụng để sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, thì giá trị đầu tư XDCB gồm cả thuế GTGT (Tổng giá thanh toán), ghi:

Nợ TK 241 - XDCB dở dang

Có TK 331 - phải trả cho người bán

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, thì giá trị đầu tư XDCB bao gồm cả thuế GTGT (Tổng giá thanh toán), ghi:

Nợ TK 241 - XDCB dở dang

Có TK 331 - phải trả cho người bán

NV 5: Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí vận chuyển hàng hoá, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán, giá trị dịch vụ mua vào sẽ gồm cả thuế GTGT, hoặc không bao gồm thuế GTGT đầu vào - tùy theo phương pháp xác định thuế GTGT phải nộp, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hoá (1562)

Nợ TK 241 - XDCB dở dang

Nợ TK 142 - Chi phí trả trước ngắn hạn

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn

Nợ các TK 623, 627, 641, 642, 635, 811

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

NV 6: Khi thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112, 311, 341, . . .

NV 7: Khi ứng trước tiền cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112, . . .

NV 8: Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không có hàng, kế toán ghi:

Nợ các TK 111, 112, . . .

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

NV 9: Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

NV 10: Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào đã nhập kho, phải trả lại do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 152, 153, 156, . . . (Giá trị được giảm giá)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

NV 11: Trường hợp người bán chấp thuận giảm giá cho số vật tư, hàng hoá doanh nghiệp đã mua vì không đúng quy cách, phẩm chất và hàng hoá vẫn còn trong kho, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 152, 153, 156, . . . (Giá trị được giảm giá)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

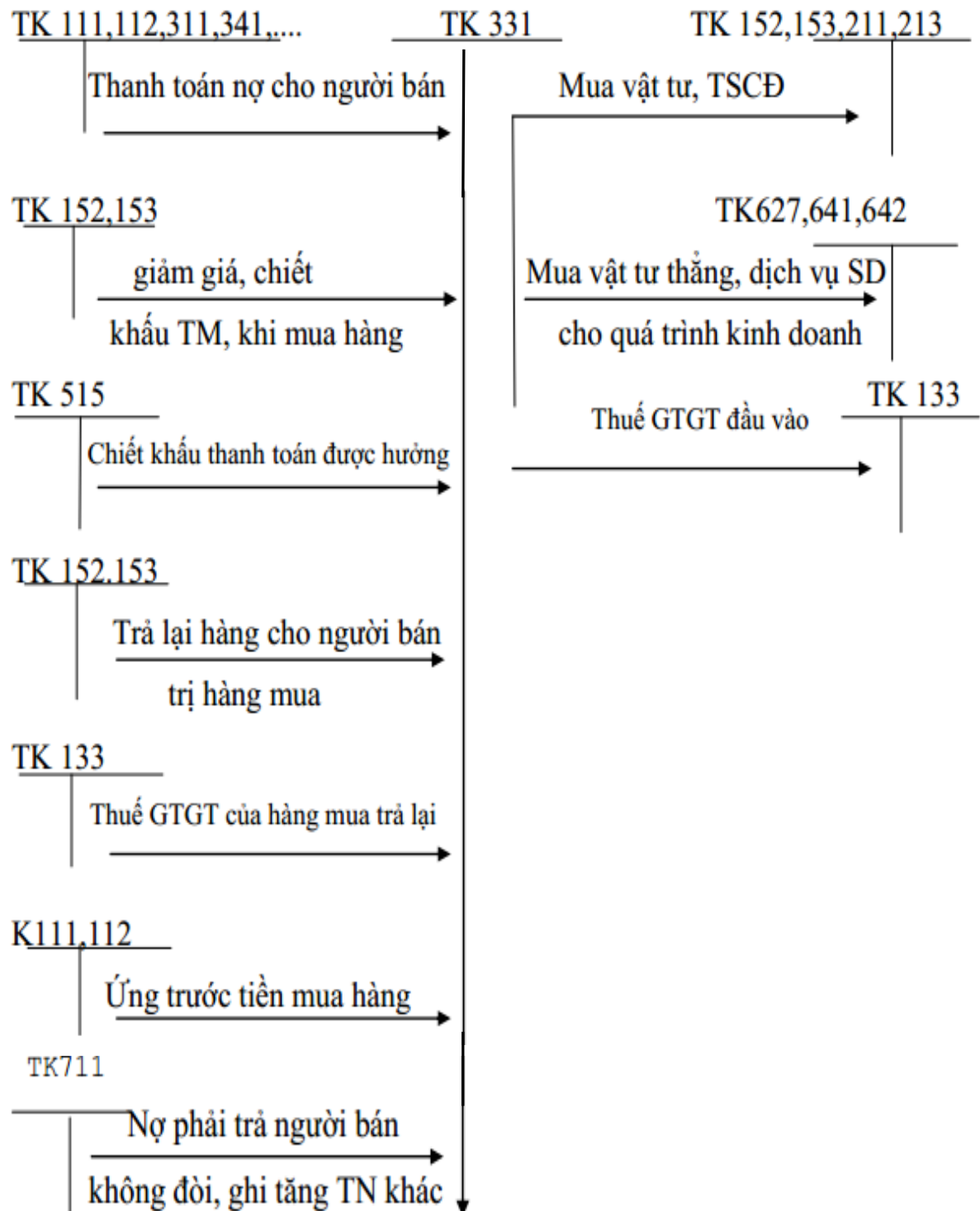
NV 12: Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 711 - Thu nhập khác.

Trình tự hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán thanh toán với người bán



1.4.Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ

1.4.1.Tỷ giá và quy định về tỷ giá sử dụng trong kế toán

Tỷ giá hối đoái theo các quan điểm khác nhau:

- Theo quan điểm cổ điển: Tỷ giá là tỷ lệ so sánh ngang giá vàng giữa hai đồng tiền của hai nước, là hệ số chuyển đổi giữa đơn vị tiền tệ nước này sang đơn vị tiền tệ nước khác.

- Theo quan điểm kinh tế hiện đại: Tỷ giá là giá mà người ta trả khi mua hoặc nhận được khi bán một ngoại tệ, trên thị trường ngoại hối tỷ giá là giá cả của tiền tệ nước này tính bằng đơn vị tiền tệ nước khác.

=>Tỷ giá hối đoái được hiểu là giá của một đơn vị ngoại tệ tính theo đồng nội tệ. Đây chính là giá cả của ngoại tệ trên thị trường và được xác định dựa trên quan hệ cung cầu về ngoại tệ.

- Việc hạch toán ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức được sử dụng trong kế toán về nguyên tắc doanh nghiệp phải căn cứ vào Tỷ giá giao dịch thực tế của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc Tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế (gọi tắt là Tỷ giá giao dịch) để ghi Sổ kế toán.

Trong kế toán có 3 loại tỷ giá:

- Tỷ giá giao dịch hay còn gọi là tỷ giá thực tế (Là tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh), tỷ giá giao dịch thực tế được sử dụng khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan tới doanh thu, chi phí, hàng tồn kho, TSCĐ; khi ghi tăng tiền mặt, tiền gửi, hoặc công nợ bằng ngoại tệ được sử dụng trong trường hợp tăng công nợ. là ngoại tệ
- Tỷ giá xuất là tỷ giá ghi trên sổ kế toán trước thời điểm thanh toán, tỷ giá này được sử dụng đối với các trường hợp giảm vốn bằng tiền là ngoại tệ và được tính theo phương pháp bình quân, LIFO, FIFO hoặc đích danh
- Tỷ giá ghi nhận nợ là tỷ giá được ghi chép trên sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch mua bán, tỷ giá này được sử dụng trong trường hợp giảm công nợ là ngoại tệ

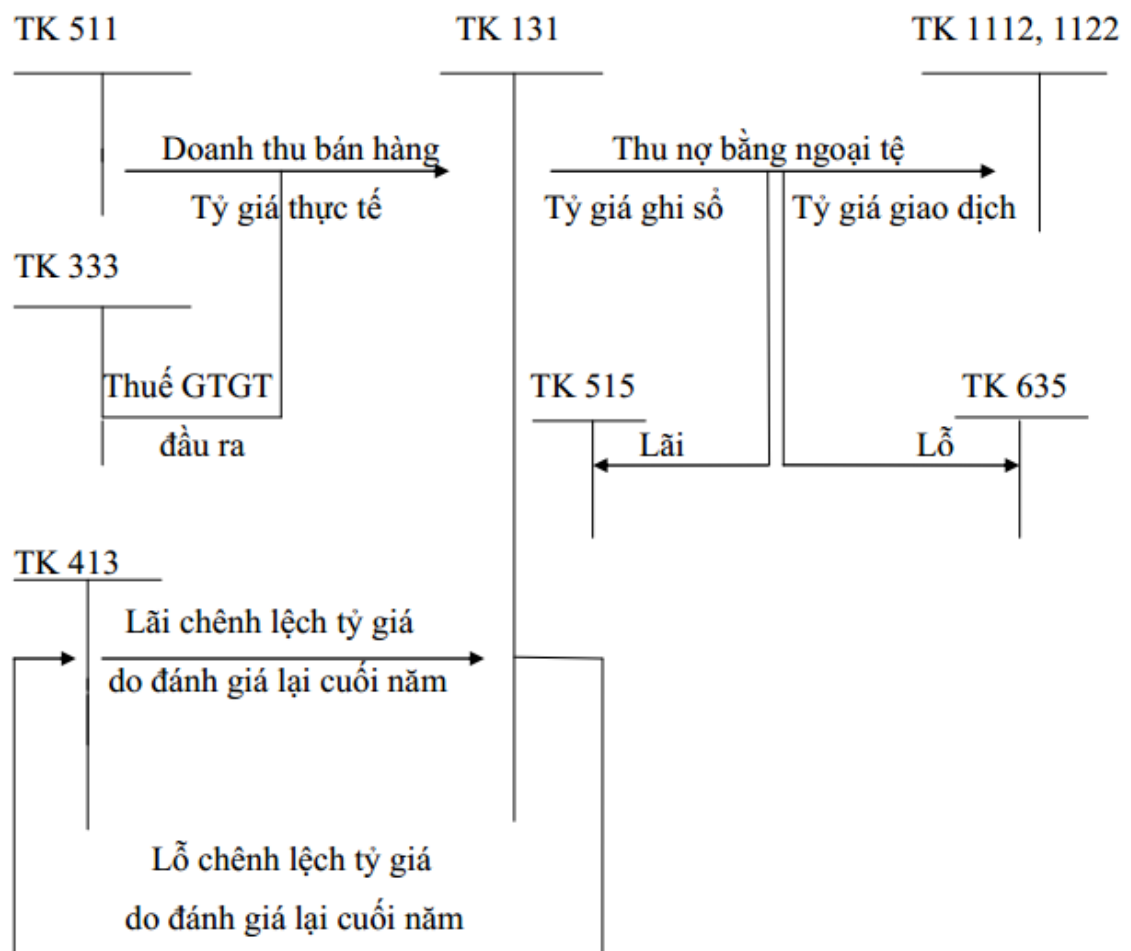
- Cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo Tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập Bảng Cân đối kế toán. Trường hợp mua bán ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì hạch toán theo Tỷ giá thực tế mua, bán.

1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ

a, Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua liên quan đến ngoại tệ.

Sơ đồ hạch toán thanh toán với người mua liên quan đến ngoại tệ:

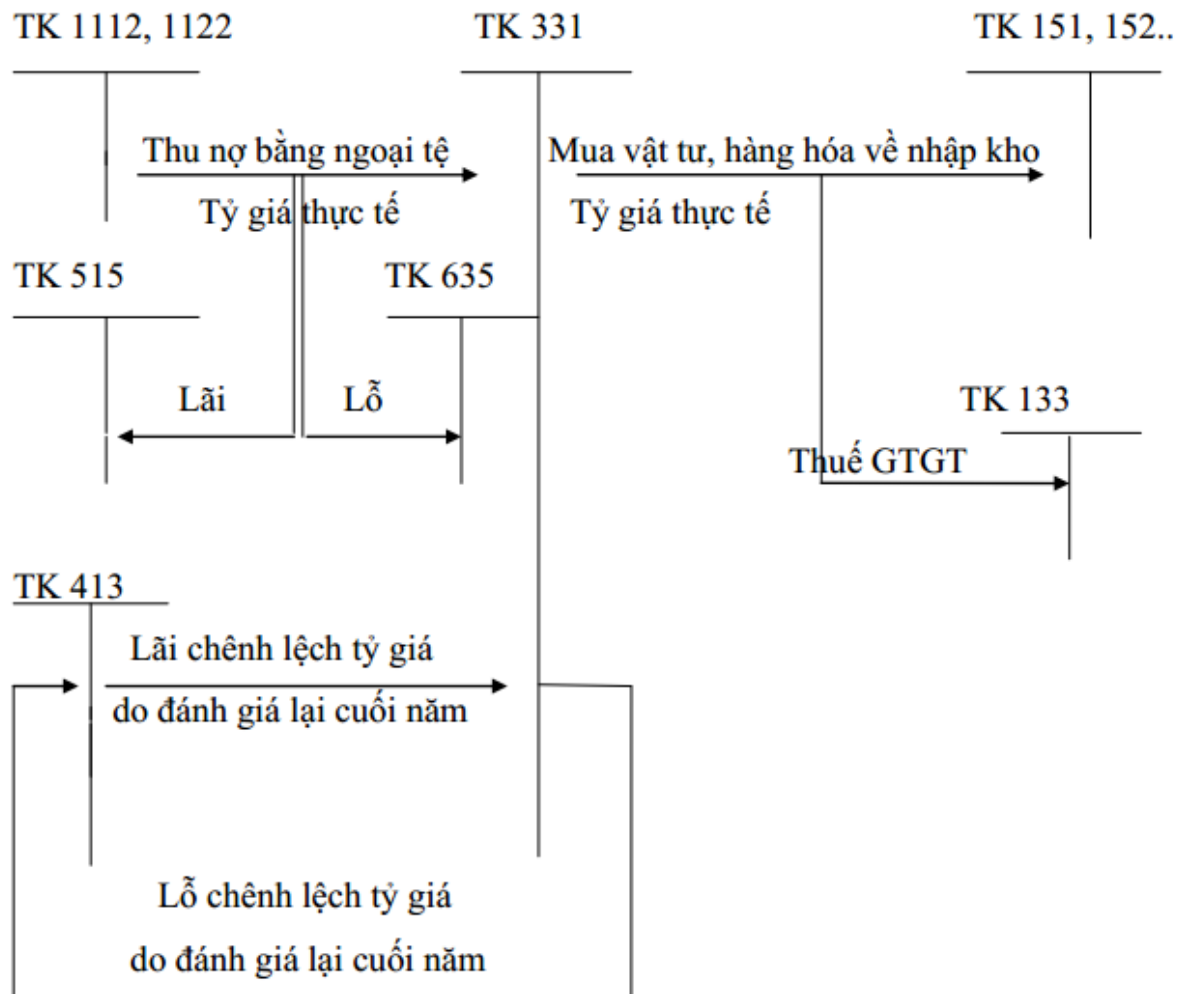
Sơ đồ 1.3: Trình tự hạch toán thanh toán với người mua bằng ngoại tệ



b, Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ.

Sơ đồ hạch toán thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ:

Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ



1.5.Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán

Các hình thức kế toán bao gồm:

- Hình thức kế toán nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán nhật ký chung
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.5.1.Hình thức kế toán nhật ký chứng từ

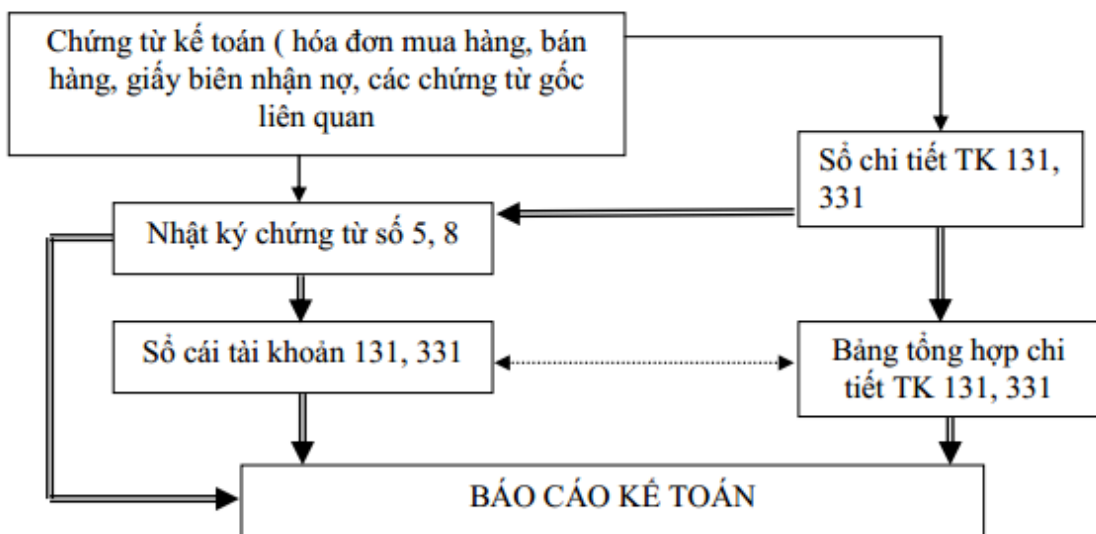
Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

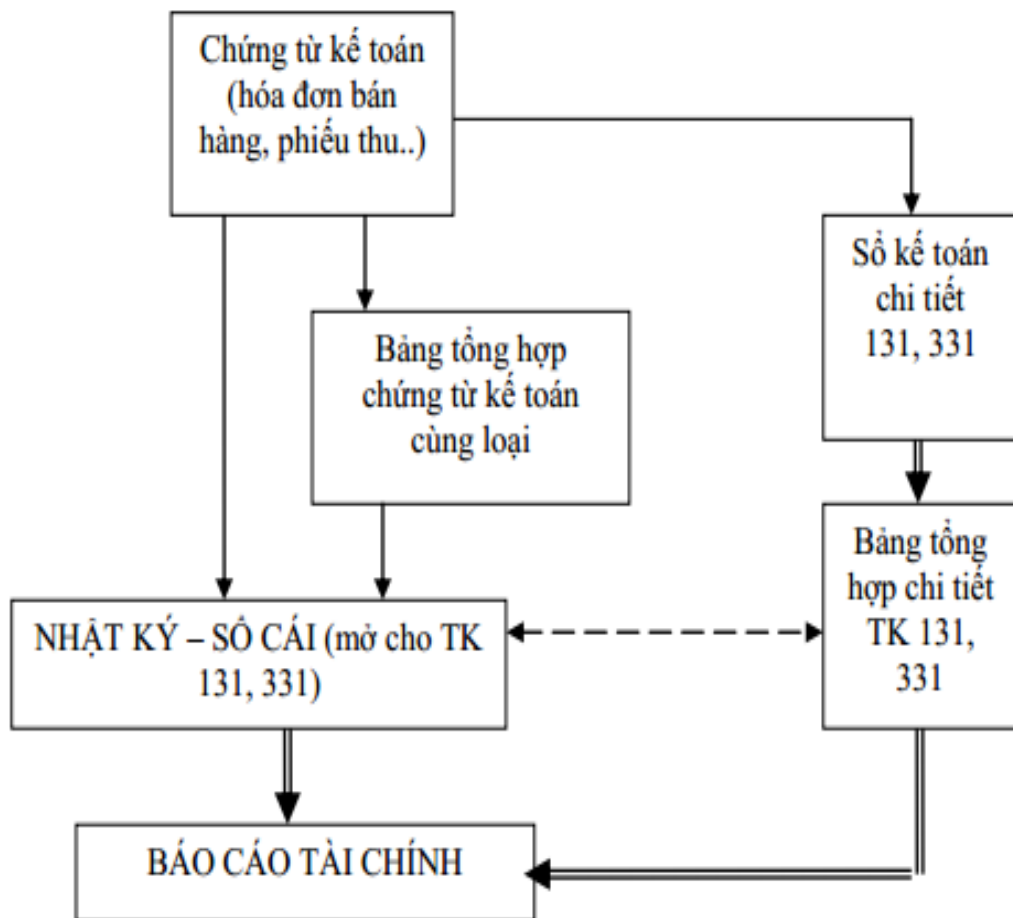
Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức nhật ký chứng từ



1.5.2. Hình thức kế toán nhật ký sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký - sổ cái



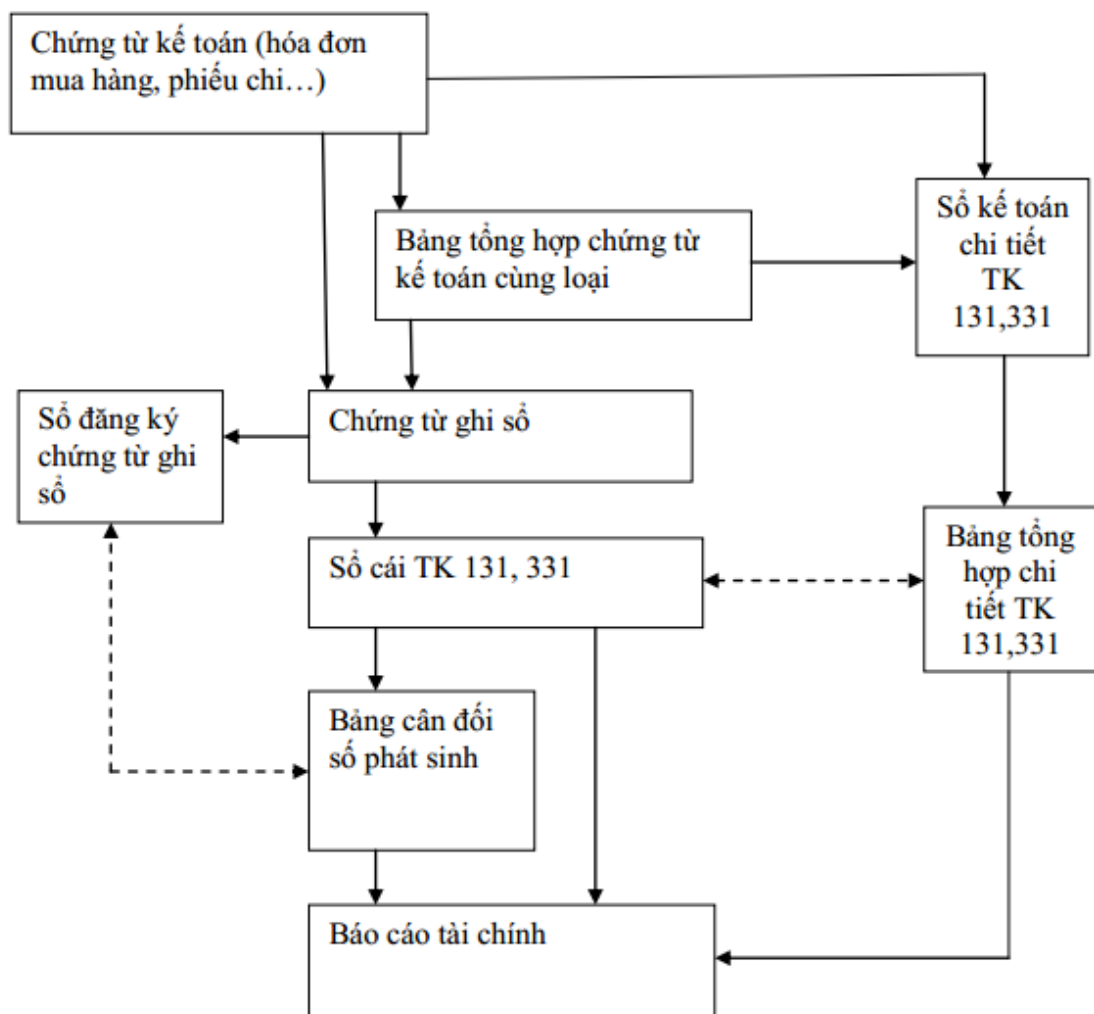
1.5.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

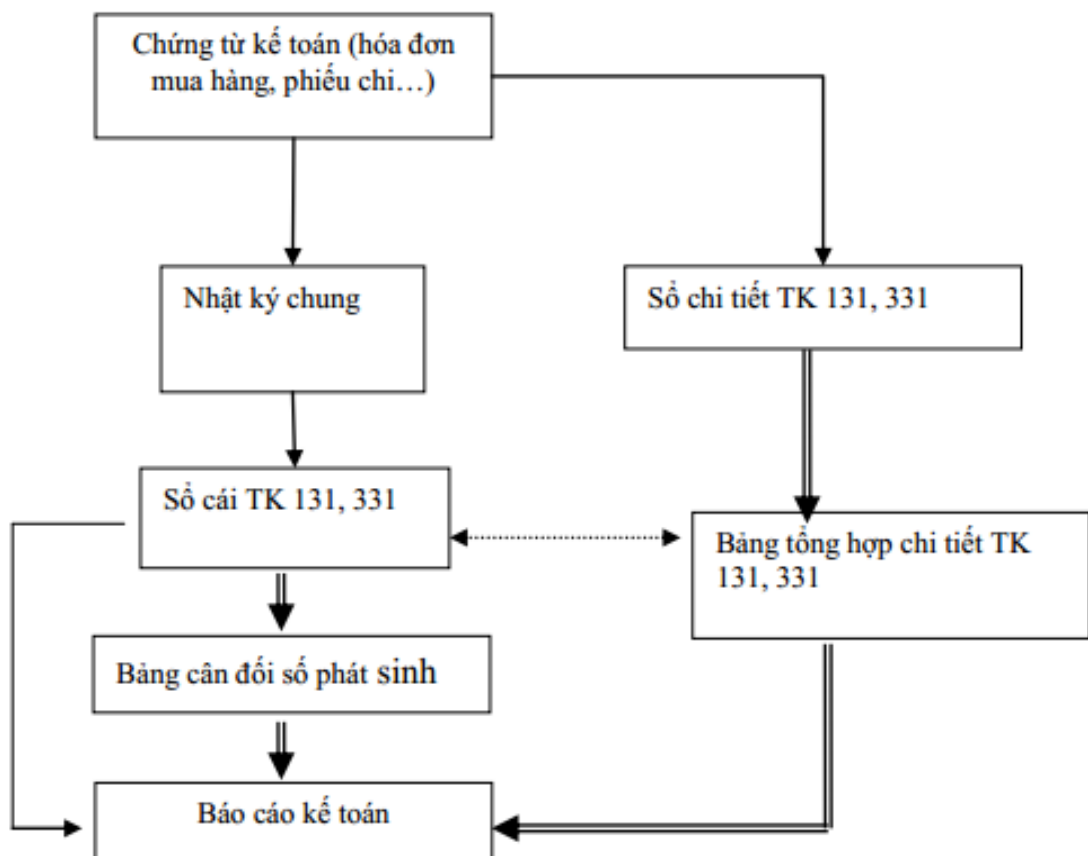
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ:



1.5.4. Hình thức kế toán nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung:

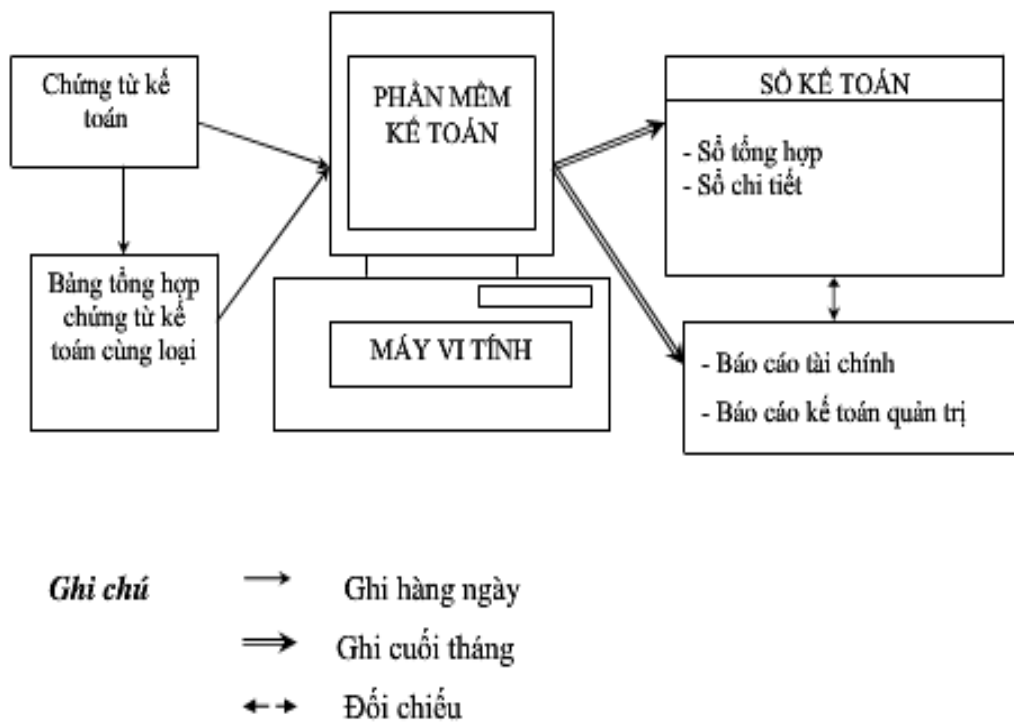


1.5.5. Hình thức kế toán máy

- Các loại sổ: Phần mềm kế toán máy được viết theo hình thức nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó, nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy



1.6. Phân tích một số chỉ tiêu về khả năng thanh toán của doanh nghiệp

Khả năng thanh toán được hiểu như khả năng chuyển hoá tiền mặt của các tài sản công ty để đối phó với các khoản nợ đến hạn, thông số khả năng thanh toán còn được gọi là thông số hoán chuyển tiền mặt vì nó bao hàm khả năng chuyển đổi các tài khoản thành tiền trong khoảng thời gian ngắn, quy thành một chu kỳ kinh doanh thường nhỏ hơn hoặc bằng một năm, ý nghĩa chung của thông số này là biểu hiện khả năng trả nợ bằng cách chỉ ra các quy mô phạm vi tài sản có thể dùng để trang trải các yêu cầu của chủ nợ với thời gian phù hợp.

Hệ số khả năng thanh toán tổng quát:

$$\text{Hệ số thanh toán tổng quát (H1)} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Nợ phải trả}}$$

Hệ số này thể hiện mối quan hệ giữa tổng tài sản hiện có của doanh nghiệp so với tổng số nợ phải trả. Hệ số này càng thấp thì khả năng thanh toán của doanh nghiệp càng kém, còn khi hệ số này lớn hơn một thì mới đảm bảo khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

$H1 \geq 1$ chứng tỏ khả năng thanh toán của doanh nghiệp là tốt, hệ số này càng cao thì khả năng thanh toán hiện hành của công ty càng cao và ngược lại. Tuy nhiên lớn hơn một quá nhiều thì không tốt vì khi đó doanh nghiệp chưa tận dụng được cơ hội chiếm dụng vốn.

Nếu $H1 < 1$ và tiến dần đến 0 báo hiệu sự phá sản của doanh nghiệp. Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp giảm và mất dần, tổng tài sản hiện có của doanh nghiệp không đủ để trả số nợ mà doanh nghiệp phải thanh toán.

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn:

$$\text{Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn (H2)} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là thương số giữa tài sản ngắn hạn với các khoản nợ ngắn hạn. Nó thể hiện mức độ đảm bảo TSLĐ với nợ ngắn hạn. Nếu hệ số này xấp xỉ 1 thì doanh nghiệp có đủ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

Hệ số thanh toán hiện thời thể hiện mức độ đảm bảo của tài sản cố định với nợ phải thanh toán trong kỳ. bằng cách chuyển đổi một bộ phận tài sản cố định thành tiền mặt.

$H2 = 1$ là hợp lý nhất vì như vậy doanh nghiệp sẽ duy trì được khả năng thanh toán đồng thời duy trì được khả năng kinh doanh.

$H2 > 1$ Thể hiện khả năng thanh toán của doanh nghiệp là dư thừa. Nếu lớn hơn 1 quá nhiều thì chứng tỏ vốn lưu động của doanh nghiệp đang bị ứ đọng trong khi đó hiệu quả kinh doanh lại chưa tốt.

$H2 < 1$ Cho thấy khả năng thanh toán của doanh nghiệp chưa cao, nếu nhỏ hơn 1 quá nhiều thì doanh nghiệp không thể thanh toán được hết khoản nợ ngắn

hạn đến hạn trả, đồng thời uy tín đối với chủ nợ giảm, tài sản để dự trữ không đủ để kinh doanh.

Hệ số khả năng thanh toán nhanh:

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh (H3)} = \frac{\text{TSNH - HTK}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số khả năng thanh toán nhanh là khả năng thanh toán nợ ngay của doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp có hệ số thanh toán nhanh lớn hơn 0,5 thì có khả năng thanh toán các khoản nợ tới và quá hạn tương đối tốt còn các doanh nghiệp có hệ số này dưới 0,5 thì có thể gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ tới và quá hạn. Trường hợp lý tưởng là doanh nghiệp có hệ số này bằng một.

$H3 \geq 1$ cho thấy khả năng thanh toán của doanh nghiệp là tốt nhưng nếu lớn hơn 1 quá nhiều và xét về mặt hiệu quả sử dụng vốn thì chưa tốt vì khoản tài sản lưu động có khả năng chuyển đổi về tiền mặt đang ứ đọng.

$H3 < 1$ cho thấy doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong việc thanh toán nợ.

Đây là nhóm các hệ số quan trọng, nó phản ánh rõ nhất tình trạng tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm xem xét. Các nhà quản lý doanh nghiệp căn cứ vào nhóm các hệ số này để đưa ra các đối sách về việc có cần huy động thêm hay không các nguồn tài chính một cách thích hợp, kịp thời để đảm bảo an toàn khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI PHÚC LAI

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán các khoản thanh toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại Phúc Lai đã trải qua hơn mười năm phát triển tính từ khi bắt đầu thành lập vào năm 2002, với tên gọi đầu tiên là Doanh nghiệp tư nhân Phúc Lai có trụ sở chính tại Số 16 – Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng.

Là một công ty tư nhân chuyên kinh doanh các mặt hàng văn phòng phẩm, phần lớn các sản phẩm trong công ty đều có giá trị nhỏ, phổ biến, thiết yếu, không thể thiếu với học sinh, sinh viên và nhân viên văn phòng. Chính vì thế mà vốn điều động của công ty cũng không quá lớn. Nhưng để mở rộng hoạt động kinh doanh thì công ty cần phải đầu tư thêm vốn, mà với loại hình là một doanh nghiệp tư nhân thì việc huy động vốn từ bên ngoài là rất khó khăn vì vốn của công ty cũng là vốn của chủ sở hữu doanh nghiệp. Chính vì vậy, để hạn chế những nhược điểm tồn tại khi là một doanh nghiệp tư nhân, vào giữa năm 2013, giám đốc doanh nghiệp đã quyết định thay đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn và đến ngày 01/01/2014, doanh nghiệp đã được cấp phép hoạt động với tên gọi là Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại Phúc Lai với trụ sở chuyển dời đến Số 79, lô 27, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Trong suốt hơn 10 năm phát triển, công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai đã tạo ra cho mình một chỗ đứng vững vàng trong ngành kinh doanh văn phòng phẩm nhiều cạnh tranh trên đất Hải Phòng. Các bạn có thể thấy những cửa hàng bày bán văn phòng phẩm ở khắp mọi nơi, nhất là ở khu trường học hay các công ty, xí nghiệp. Công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai đã có thể trở thành một trong những nhà cung ứng các thiết bị văn phòng có uy tín nhất trên địa bàn thành phố Hải Phòng là một trong những thành tựu và cũng là mục tiêu hướng tới của công ty, nhất là trong giai đoạn kinh tế khó khăn như hiện nay.

Sau đây là số liệu minh chứng cho sự phát triển của công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại Phúc Lai trong 3 năm gần đây:

Biểu số 2.1: Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong 3 năm 2011 – 2012 – 2013

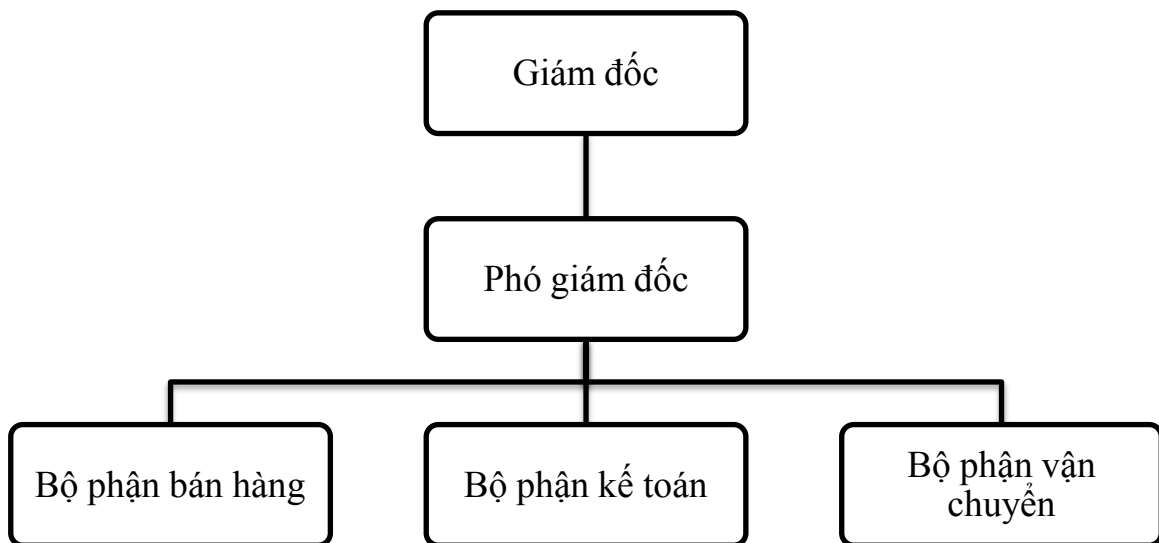
Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1. Tổng doanh thu	874.553.685	956.778.605	1.085.667.352
2. Tổng doanh thu thuần	874.553.685	956.778.605	1.085.667.352
3. Tổng giá vốn hàng bán	694.642.981	747.507.029	833.452.347
4. Tổng lợi nhuận gộp	179.910.704	209.271.576	252.215.005
5. Tổng lợi nhuận trước thuế	114.598.800	138.004.186	410.733.502
6. Thu nhập bình quân	3.800.000	4.100.000	4.500.000
7. Thuế và các khoản nộp NSNN	155.678.943	210.347.565	243.231.535
8. Vốn kinh doanh bình quân	1.700.000.000	1.765.400.000	1.800.000.000

(Nguồn: bộ phận kế toán công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai)

2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

Công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai là một công ty nhỏ cho nên trong công ty chỉ có một lãnh đạo duy nhất là giám đốc công ty, các bộ phận khác chịu sự điều hành trực tiếp từ giám đốc. Đây là kiểu tổ chức quản lý theo mô hình trực tuyến – chức năng, rất thích hợp cho những công ty nhỏ.

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai



Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong bộ máy quản lý của công ty:

Giám đốc:

Là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty, soạn thảo, đưa ra các điều lệ, quy chế của công ty, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Giám đốc phải điều hành công ty theo đúng pháp luật và sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật và sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật đối với những hoạt động liên quan đến công ty.

Phó giám đốc:

Có trách nhiệm giúp đỡ giám đốc điều hành một số lĩnh vực theo sự phân công của giám đốc về những nhiệm vụ đã được giao. Trong phạm vi quyền hạn được

giao, phó giám đốc có trách nhiệm giúp giám đốc quản lý nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, sắp xếp và bố trí nơi làm việc cho cán bộ, nhân viên công ty.

Bộ phận bán hàng:

Là những người chịu trách nhiệm ở các cửa hàng chi nhánh của công ty, tìm hiểu xu hướng, thị hiếu của người tiêu dùng để tham mưu cho giám đốc, đồng thời chịu trách nhiệm chính trong việc tiêu thụ.

Bộ phận kế toán:

Chịu trách nhiệm toàn bộ công tác kế toán của đơn vị. Đồng thời có nhiệm vụ quản lý vốn và theo dõi tình hình hoạt động kinh doanh của công ty (lỗ, lãi) giúp cho giám đốc nắm được thực trạng kinh doanh của công ty và tìm giải pháp khắc phục kịp thời.

Bộ phận vận chuyển:

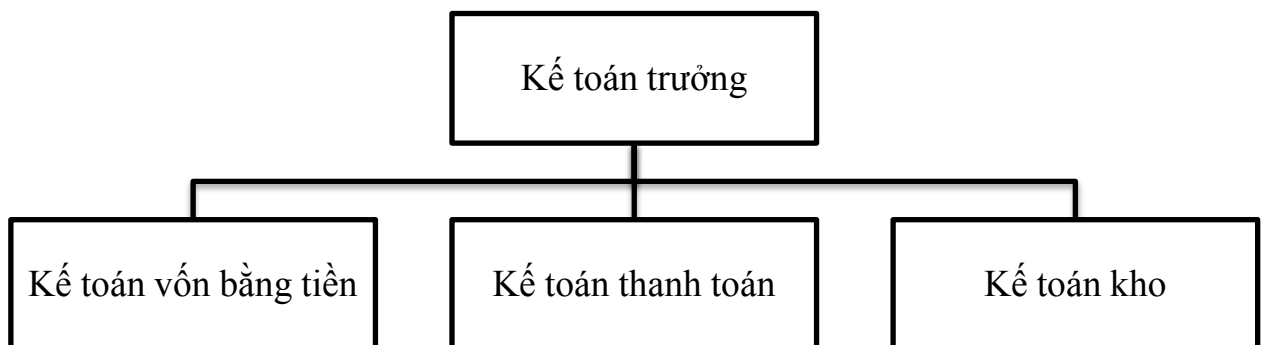
Tiếp nhận đơn, giấy tờ, vận chuyển hàng hóa cho khách hàng.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

a, Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

Bộ máy kế toán của công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai được thể hiện như sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai



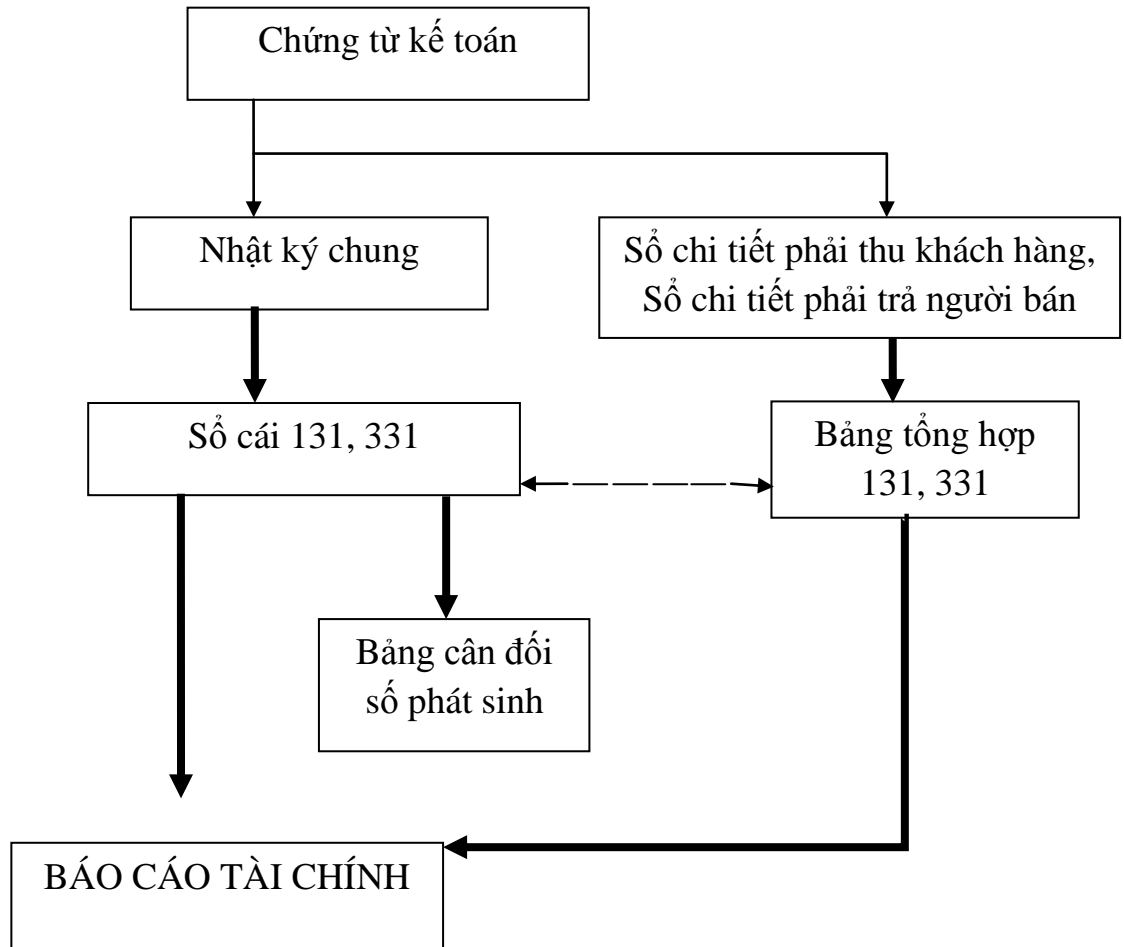
Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, mỗi kế toán viên được phân công cụ thể từng hạng mục công việc dưới sự kiểm tra giám sát chặt chẽ của kế toán trưởng.

- **Kế toán trưởng:** Là người đứng đầu bộ máy kế toán, có trách nhiệm bao quát mọi hoạt động và công tác kế toán của phòng kế toán, tập hợp tất cả các chứng từ liên quan để lập báo cáo tài chính.
- **Kế toán vốn bằng tiền:** Theo dõi sổ dư tiền gửi, tiền vay ngân hàng, tiền mặt, đồng thời đối chiếu với các công nợ phải thu, phải trả, lập phiếu thu, phiếu chi, viết séc và chuyển khoản ủy nhiệm chi.
- **Kế toán thanh toán:** Căn cứ vào chứng từ hóa đơn mua hàng của các bộ phận kinh doanh để theo dõi chi tiết công nợ phải trả và hạn thanh toán của từng khách hàng đúng hạn, đồng thời đối chiếu công nợ với khách hàng thường xuyên, căn cứ vào các hóa đơn kế toán vào sổ theo dõi từng hóa đơn cho từng khách hàng, thường xuyên đôn đốc và thu hồi nợ.
- **Kế toán kho:** Theo dõi kho, nắm được tình hình nhập – xuất hàng hóa. Cuối tháng kiểm kê lượng tồn kho và thường xuyên đối chiếu số liệu với thủ kho.

b, Chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

- Hiện nay công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung
- Chế độ kế toán của công ty hiện đang áp dụng là theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.
- Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.
- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Tính và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai



- Ghi chú:**
- Ghi hằng ngày
 - Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
 - ← - - - → Đối chiếu, kiểm tra

2.1.4. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

a, Phương thức thanh toán: là cách thức thực hiện chi trả cho hợp đồng mua bán được sự thống nhất của bên bán và bên mua.

Tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai có hai phương thức thanh toán là thanh toán trực tiếp và chậm trả.

- Phương thức thanh toán trực tiếp: đây là phương thức thanh toán do bên mua thanh toán ngay cho người bán sau khi nhận được hàng. Phương thức thanh toán trực tiếp này có thể thanh toán bằng tiền mặt, tiền cán bộ tạm ứng hay chuyển khoản.
- Phương thức thanh toán chậm trả: đây là phương thức thanh toán khi mà doanh nghiệp đã giao hàng cho người mua nhưng chưa được thanh toán. Thời gian địa điểm thanh toán được quy định trong hợp đồng. Việc thanh toán chậm trả có thể sẽ được thực hiện theo điều kiện tín dụng ưu đãi như thỏa thuận trong hợp đồng.

b, Hình thức thanh toán: là tổng thể các quy định về một cách thức trả tiền, là sự liên kết của các yếu tố trong quá trình thanh toán.

Tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai có các hình thức thanh toán như là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán bằng chuyển khoản.

2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

2.2.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua.

*** Chứng từ sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Phiếu thu
- Giấy đề nghị thanh toán
- Giấy báo có.

*** Tài khoản sử dụng: TK 131: Phải thu khách hàng**

Kết cấu tài khoản 131:

Bên nợ:

- Số tiền phải thu khách hàng về sản phẩm, hàng hóa đã cung cấp và được xác định là đã bán trong kỳ.
- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.

Bên có:

- Số tiền khách hàng đã trả nợ
- Số tiền đã trả trước, nhận trước của khách hàng

Số dư bên nợ:

Số tiền còn phải thu của khách hàng

Tài khoản này Có thể có số dư bên có: số dư bên Có phản ánh số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng.

*** Sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua:**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua
- Sổ cái tài khoản 131
- Sổ tổng hợp thanh toán với người mua

2.2.2. Nội dung hạch toán với người mua tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

Ví dụ 1: Vào ngày 02/06/2014 công ty xuất kho bán chịu cho công ty TNHH vận tải Hưng Thịnh một lô hàng với tổng trị giá là 11.651.200đ theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0006501.

Do bán nhiều mặt hàng nên kế toán lập bảng kê hàng hóa như biểu số 2.3, còn hóa đơn chỉ phản ánh tổng tiền như biểu số 2.2 sau:

Biểu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0006501**CÔNG TY TNHH
ĐTTM PHÚC LAI****HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:03GTKT3/001

Ký hiệu: AA/13P

Số: 0006501

Liên 3: Nội bộ

Ngày 02 tháng 06 năm 2014

Đơn vị bán hàng: Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại Phúc Lai

Mã số thuế:

0	2	0	0	4	6	8	1	4	8
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Địa chỉ: Số 79 lô 27 đường Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 031.3650166

FAX: 031.3650166

Số tài khoản:.....Tại:.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải Hưng Thịnh

Mã số thuế:

0	2	0	0	4	5	4	0	5	7
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Địa chỉ: 138 Lê Lai, phường Máy Trai, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Hàng văn phòng phẩm kèm theo bảng kê số 57 ngày 02/06/2014				10.592.200
Cộng thành tiền					10.592.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		1.059.200
Tổng cộng tiền thanh toán					11.651.200
Bằng chữ: Mười một triệu sáu trăm năm mươi một ngàn hai trăm đồng chẵn					

Người mua hàng

(Ký, ghi họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Đóng dấu, ký ghi họ tên)

Biểu số 2.3: Bảng kê hàng hóa**CÔNG TY TNHH ĐTTM PHÚC LAI**

79 lô 27 Lê Hồng Phong – Ngô Quyền – Hải Phòng

BẢNG KÊ BÁN HÀNG

Ngày 02 tháng 06 năm 2014

Số: 57

Họ và tên người mua: Nguyễn Văn Vinh

Đơn vị: Công ty TNHH vận tải Hưng Thịnh

STT	Tên hàng hóa	S.lượng	ĐVT	Đơn giá (chưa có VAT)	Thành tiền
1	Sổ may 200tr A4	10	Quyển	25.000	250.000
2	Dập ghim bàn xoay	3	Chiếc	245.000	735.000
3	Kẹp ghim 58m	5	Hộp	60.500	300.500
4	Giấy nhó	50	Tập	10.000	500.000
5	Giấy than	1	Tập	75.000	75.000
6	Kệ đựng hồ sơ	2	Cái	3.950.000	7.900.000
7	Ổng đựng bút	10	Chiếc	40.000	400.000
8	Khay đựng tài liệu nhỏ PVC	10	Chiếc	68.070	680.500
	Cộng				10.592.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười triệu năm mươi chín ngàn hai trăm đồng chẵn

Ghi chú:

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng, kế toán ghi sổ chi tiết phải thu khách hàng như biểu 2.4 theo định khoản:

Nợ TK 131: 11.651.200

Có TK 511: 10.592.000

Có TK 3331: 1.059.200

Biểu 2.4: Sổ chi tiết phải thu khách hàng (mở cho Hưng Thịnh)**Mẫu số S10-DN****CÔNG TY TNHH ĐTTM PHÚC LAI**

79 lô 27 Lê Hồng Phong – Ngô Quyền – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)**SỔ CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG****Tài khoản: ...131...****Đối tượng: Công ty TNHH vận tải Hưng Thịnh****Loại tiền: VNĐ****Tháng 06 năm 2014**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ					155.000.000	
02/06	HĐ6501	02/06	Bán chịu cho Hưng Thịnh	511		10.592.000		165.592.000	
				3331		1.059.200		166.651.200	
07/06	HĐ9542	07/06	Bán chịu cho Hưng Thịnh	511		62.500.000		229.151.200	
				3331		6.250.000		235.401.200	
12/06	PT18	12/06	HT trả nợ bằng tiền mặt	111			11.651.200	223.750.000	
18/06	GBC	18/06	HT trả bằng chuyển khoản	112			35.000.000	188.750.000	
18/06	PTCK	18/06	Trừ chiết khấu thanh toán cho HT (1,5%)	635			506.250	188.243.750	
			Cộng số phát sinh	X	X	80.280.000	47.157.450	X	X
			Số dư cuối kỳ	X	X	X	X	188.243.750	

(Nguồn: Bộ phận kế toán công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai)

Ví dụ 2: Ngày 07/06/2014, căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 102/PL-HP, xuất kho bán chịu cho công ty TNHH vận tải Hưng Thịnh một lô hàng với tổng giá thanh toán ghi trên hóa đơn số 0006542 là 68.750.000đ. Kế toán có các chứng từ sau:

Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT số 0006542

CÔNG TY TNHH ĐTTM PHÚC LAI	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 07 tháng 06 năm 2014	Mẫu số:03GTKT3/001 Ký hiệu: AA/13P Số: 0006542										
Đơn vị bán hàng: Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại Phúc Lai												
Mã số thuế:	<table border="1"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>4</td><td>6</td><td>8</td><td>1</td><td>4</td><td>8</td></tr></table>	0	2	0	0	4	6	8	1	4	8	
0	2	0	0	4	6	8	1	4	8			
Địa chỉ: Số 79 lô 27 đường Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng, Việt Nam												
Điện thoại: 031.3650166		FAX: 031.3650166										
Số tài khoản:.....Tại:.....												
Họ tên người mua hàng:												
Tên đơn vị: Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải Hưng Thịnh												
Mã số thuế:	<table border="1"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>4</td><td>5</td><td>4</td><td>0</td><td>5</td><td>7</td></tr></table>	0	2	0	0	4	5	4	0	5	7	
0	2	0	0	4	5	4	0	5	7			
Địa chỉ: 138 Lê Lai, phường Máy Trai, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng												
Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán		Số tài khoản:										
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền							
A	B	C	1	2	3=1x2							
1	Kệ đựng hồ sơ	Cái	10	4.500.000	45.000.000							
2	Khay đựng tài liệu	Chiếc	50	350.000	17.500.000							
Cộng thành tiền					62.500.000							
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		6.250.000							
Tổng cộng tiền thanh toán					68.750.000							
Bằng chữ: Sáu mươi tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn chẵn												
Người mua hàng (Ký, ghi họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Đóng dấu, ký ghi họ tên)								

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0006542, kế toán ghi vào sổ chi tiết phải thu khách hàng mở cho công ty TNHH thương mại vận tải Hưng Thịnh như biểu số 2.4 theo định khoản:

Nợ TK 131:	68.750.000
Có TK 511:	62.500.000
Có TK 3331:	6.250.000

Ví dụ 3: Ngày 12/06/2014, Hưng Thịnh thanh toán tiền hàng của hóa đơn giá trị gia tăng số 0006501 bằng tiền mặt. Kế toán viết phiếu thu số 18.

Căn cứ vào phiếu thu số 18 như biểu số 2.6, kế toán ghi vào sổ chi tiết phải thu khách hàng (mở cho công ty TNHH thương mại vận tải Hưng Thịnh) như biểu số 2.4 theo định khoản:

Nợ TK 111:	11.659.200
Có TK 131:	11.659.200

Biểu số 2.6: Phiếu thu số 18**CÔNG TY TNHH ĐTTM PHÚC LAI**79 lô 27 Lê Hồng Phong – Ngô Quyền
Hải Phòng**Mẫu số 01– TT**Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**PHIẾU THU**

Ngày 12 tháng 06 năm 2014

Quyển số 1

Số CT PT 18

Họ tên người nộp : công ty TNHH thương mại vận tải Hưng Thịnh
Địa chỉ : 138 – Lê Lai – Máy Chai – Ngô Quyền – Hải Phòng
Lý do thu : Thu nợ tiền hàng
Số tiền : 11.651.200
Số tiền viết bằng chữ : Mười một triệu sáu trăm năm mươi một ngàn hai
trăm đồng chẵn

Kèm theo :
Đã nhận đủ số tiền

Ngày 12 tháng 06 năm 2014

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập biểu	Thủ quỹ
-----------------	-----------------------	---------------------------	---------------------------	----------------

Ví dụ 4: Ngày 18/06/2014, nhận được giấy báo có từ ngân hàng ACB thông báo bên phía Hưng Thịnh thanh toán một phần trị giá lô hàng theo hóa đơn giá tăng số 0006542 bằng chuyển khoản. Số tiền thanh toán là 35.000.000đ. Vì thanh toán trước thời hạn nên công ty cho Hưng Thịnh hưởng số chiết khấu là 1.5% trên số còn nợ lại, trừ vào nợ phải thu

Biểu số 2.7: Giấy báo có của ngân hàng ACB

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

ACB

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 18/06/2014

Kính gửi: Công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 1020100008710

Số tiền bằng số: 35.000.000 VNĐ

Số tiền bằng chữ: Ba mươi lăm triệu đồng chẵn

Nội dung:

Công ty TNHH vận tải Hưng Thịnh thanh toán tiền hàng##

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.8: Phiếu xác định chiết khấu thanh toán**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****PHIẾU XÁC ĐỊNH CHIẾT KHẤU THANH TOÁN****Bên mua: Công ty TNHH thương mại vận tải Hưng Thịnh**

Địa chỉ: 138 Lê Lai, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mã số thuế: 0200454057

Người đại diện: Trần Văn Hưng

Chức vụ: Giám đốc

Bên bán: Công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

Địa chỉ: số 79, lô 27, Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mã số thuế: 0200468148

Người đại diện: Nguyễn Xuân Cẩn

Chức vụ: Giám đốc

Căn cứ vào khoản 4.4, điều 4 hợp đồng kinh tế số 92/PL-HP ngày 04/06/2014

Căn cứ vào số tiền quý công ty thanh toán ngày 1/06/2014

Công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai xin thông báo về khoản chiết khấu mà quý công ty được hưởng là $506.250 = (68.750.000 - 35.000.000) * 1.5\%$

Chúng tôi sẽ trừ trực tiếp vào số còn phải thu của quý công ty.

Tổng số tiền phải thanh toán: 68.750.000

Đã thanh toán: 35.000.000

Chiết khấu thanh toán: 506.250

Còn lại: 33.243.750

Căn cứ vào giấy báo có, kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 35.000.000

Có TK 131: 35.000.000

Căn cứ vào phiếu tính chiết khấu, kế toán định khoản

Nợ TK 635: 506.250

Có TK 131: 506.250

Sau đó kế toán ghi vào sổ chi tiết phải thu khách hàng (mở cho công ty Hưng Thịnh) như biểu số 2.4

Đối với các khách hàng khác cũng được theo dõi chi tiết tương tự như theo dõi phải thu công ty Hưng Thịnh và được trích dẫn như biểu số 2.9 và 2.10

Biểu số 2.9: Sổ chi tiết phải thu khách hàng (mở cho công ty Phương Ngọc)**CÔNG TY TNHH ĐTTM PHÚC LAI**

79 lô 27 Lê Hồng Phong – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S10-DN(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)**SỔ CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Tài khoản: ...131...

Đối tượng: Công ty TNHH thương mại Phương Ngọc

Loại tiền: VNĐ

Tháng 06 năm 2014

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	2	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ				<u>18.900.000</u>	
15/06	PT 22	15/06	Thu hết nợ của công ty Phương Ngọc	111		18.900.000	-	
21/06	GBC	21/06	Phương Ngọc thanh toán trước tiền hàng bằng CK	112		30.000.000		30.000.000
			Cộng số phát sinh	X	-	48.900.000	x	X
			Số dư cuối kỳ	X	X	X		30.000.000

(Nguồn: Bộ phận kế toán công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai)

Biểu số 2.10: Sổ chi tiết phải thu khách hàng (mở cho công ty Công Nghiệp)**CÔNG TY TNHH ĐTTM PHÚC LAI**

79 lô 27 Lê Hồng Phong – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S10-DN(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)**SỔ CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Tài khoản:...131...

Đối tượng: Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Công Nghiệp

Loại tiền: VNĐ

Tháng 06 năm 2014

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	2	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ				<u>176.000.000</u>	
26/06	GBC	26/06	Công Nghiệp trả nợ đầu kỳ	112		100.000.000	76.000.000	
			Cộng số phát sinh	X	-	100.000.000	X	X
			Số dư cuối kỳ	X	X	X	<u>76.000.000</u>	

(Nguồn: Bộ phận kế toán công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai)

Cuối tháng căn cứ vào các sổ chi tiết thanh toán với người mua, kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp thanh toán với người mua như biểu 2.11:

Biểu số 2.11: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng

CÔNG TY TNHH ĐTTM PHÚC LAI
79 lô 27 Lê Hồng Phong – Ngô Quyền – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản:131

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Tháng 06 năm 2014

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH thương mại vận tải Hưng Thịnh	155.000.000		80.280.000	47.157.450	188.243.750	
2	Công ty TNHH thương mại Phương Ngọc	18.900.000		-	48.900.000		30.000.000
3	Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Công Nghiệp	176.000.000			100.000.000	76.000.000	
	Cộng	349.900.000		80.280.000	196.057.450	264.243.750	30.000.000

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Căn cứ vào các chứng từ gốc biểu 2.2, 2.5, 2.6, 2.7, 2.8 Kế toán ghi vào nhật ký chung như biểu 2.12

Biểu số 2.12: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH ĐTTM PHÚC LAI
79 lô 27 Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
02/6	HĐ 6501	02/6	Giá bán chịu hàng cho Hưng Thịnh	131 511 3331	11.651.420	10.592.000 1.059.200
07/6	HĐ 6524	07/6	Giá bán chịu cho Hưng Thịnh	131 511 3331	68.750.000	62.500.000 6.250.000
12/6	PT 18	12/6	Hưng Thịnh trả tiền hàng bằng tiền mặt	111 131	11.651.420	11.651.420
18/6	GBC	18/6	Hưng thịnh thanh toán bằng chuyển khoản	112 131	35.000.000	35.000.000
18/6	PTCK	18/6	Chiết khấu thanh toán cho Hưng Thịnh	635 131	506.250	506.250
21/6	GBC	21/6	Phương Ngọc trả trước tiền hàng	112 131	30.000.000	30.000.000
24/6	GBC	24/6	Công Nghiệp trả nợ đầu kỳ	112 131	100.000.000	100.000.000
			Cộng lũy kế		1.902.113.750	1.902.113.750

(Nguồn: bộ phận kế toán công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 131: Phải thu khách hàng

Biểu số 2.13: Sổ cái tài khoản 131

CÔNG TY TNHH ĐTTM PHÚC LAI
79 lô 27 Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Tháng 06 năm 2014
Tên tài khoản: Phải thu khách hàng
Số hiệu: 131

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng		349.900.000	
02/6	HĐ 6501	02/6	Giá bán chịu hàng cho Hưng Thịnh	511 3331	10.592.000 1.059.200	
07/6	HĐ 6524	07/6	Giá bán chịu cho Hưng Thịnh	511 3331	62.500.000 6.250.000	
12/6	PT 18	12/6	Hưng Thịnh trả tiền hàng bằng tiền mặt	111		11.651.420
18/6	GBC	18/6	Hưng thịnh thanh toán bằng chuyển khoản	112		35.000.000
18/6	PTCK	18/6	Chiết khấu thanh toán cho Hưng Thịnh	635		506.250
21/6	GBC	21/6	Phương Ngọc trả trước tiền hàng	112		30.000.000
24/6	GBC	24/6	Công Nghiệp trả nợ đầu kỳ	112		100.000.000
			Cộng số phát sinh		80.280.000	196.057.450
			Số dư cuối tháng		234.243.750	

(Nguồn: bộ phận kế toán công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai)

2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại Phúc Lai

2.3.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán

*** Chứng từ sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Giấy đề nghị thanh toán
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi

*** Tài khoản sử dụng: TK 331: Phải trả người bán**

Bên Nợ:

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ,
- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp

Bên Có:

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức.

Số dư bên Có:

Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp công trình.

Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ: phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể.

*** Sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán:**

- Nhật ký chung
- Sổ chi tiết phải trả người bán
- Sổ tổng hợp chi tiết phải trả người bán
- Sổ cái tài khoản 331

2.3.2. Nội dung hạch toán với người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

Ví dụ 1: Ngày 04/06 công ty mua một lô hàng giấy vở của công ty cổ phần văn phòng phẩm Hồng Hà theo hóa đơn ký hiệu AA/12P số 0018086

Biểu 2.14: Hóa đơn GTGT số 0018086

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 03GTKT3/001												
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/11P												
Liên 2: Giao khách hàng			Số: 0018086												
Ngày 04 tháng 06 năm 2014															
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần văn phòng phẩm Hồng Hà															
Mã số thuế:	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> </tr> </table>					0	1	0	0	5	4	5	1	4	5
0	1	0	0	5	4	5	1	4	5						
Địa chỉ: Số 42, Lý Thường Kiệt, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội															
Điện thoại: 04 65233 329			FAX: 04 6524 157												
Số tài khoản: 0003426841 tại ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội															
Họ tên người mua hàng:															
Tên đơn vị: Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại Phúc Lai															
Mã số thuế:	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> </tr> </table>					0	2	0	0	4	6	8	1	4	8
0	2	0	0	4	6	8	1	4	8						
Địa chỉ: Số 79 lô 27 Lê Hồng Phong. Ngô Quyền, Hải Phòng															
Hình thức thanh toán: chậm trả			Số tài khoản: 0000814567												
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
1	Vở Hồng Hà 2201	Thùng	10	570.000	5.700.000										
2	Vở hồng Hà 2202	Thùng	10	550.000	5.500.000										
3	Vở school Green 48 trang	Thùng	10	650.000	6.500.000										
4	Vở school Eureka 48T	Thùng	10	700.000	7.000.000										
5	Vở study Square 120T	Thùng	10	500.000	5.000.000										
6	Vở Pupil bốn mùa	Thùng	10	610.000	6.100.000										
Cộng thành tiền					35.800.000										
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		3.580.000										
Tổng cộng tiền thanh toán					39.380.000										
Người mua hàng (Ký, ghi họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Đóng dấu, ký ghi họ tên)											

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0018086 kế toán ghi vào sổ chi tiết thanh toán với người bán (được mở cho công ty Hồng Hà) như biểu số 2.15 theo định khoản:

Nợ TK 156:	35.800.000
Nợ TK 133:	3.580.000
Có TK 331:	39.380.000

Biểu số 2.15: Sổ chi tiết phải trả người bán (mở cho công ty Hồng Hà)**CÔNG TY TNHH ĐTTM PHÚC LAI**

79 lô 27 Lê Hồng Phong – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số 32-DN(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)**SỔ CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Tài khoản: ...331...

Đối tượng: Công ty Cổ phần văn phòng phẩm Hồng Hà

Loại tiền: VND

Tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	2	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ					185.500.000
04/06	HĐ 18086	04/06	Nhập kho lô hàng của công ty Hồng Hà	156 133		35.800.000 3.580.000	-	221.300.000 224.880.000
10/06	HĐ 18107	10/06	Mua chịu một lô hàng của Hồng Hà	156 133		17.107.500 1.710.750		241.987.500 243.698.250
11/06	PC27	11/06	Thanh toán tiền hàng	111	18.818.250			224.880.000
25/06	GBN	25/06	Thanh toán tiền hàng đầu kỳ và một phần nợ trong kỳ	112	150.000.000			74.880.000
			Cộng số phát sinh	X	168.818.250	58.198.250	x	X
			Số dư cuối kỳ	X	X	X		74.880.000

(Nguồn: Bộ phận kế toán công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai)

Ví dụ 2: Ngày 10/06/2014, nhập một lô hàng của HỒNG HÀ theo hóa đơn GTGT số 18107 như biểu số 2.16:

Biểu số 2.16: Hóa đơn GTGT số 0018107

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 03GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/11P			
Liên 2: Giao khách hàng		Số: 0018107			
Ngày 10 tháng 06 năm 2014					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần văn phòng phẩm Hồng Hà					
Mã số thuế:	0 1 0 0 5 4 5 1 4 5				
Địa chỉ: Số 42, Lý Thường Kiệt, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội					
Điện thoại: 04 65233 329		FAX: 04 6524 157			
Số tài khoản: 0003426841 tại ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại Phúc Lai					
Mã số thuế:	0 2 0 0 4 6 8 1 4 8				
Địa chỉ: Số 79 lô 27 Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: chậm trả		Số tài khoản: 0000814567			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Kệ đựng hồ sơ	Chiếc	5	3.421.500	17.107.500
Cộng thành tiền					17.107.500
Thuế suất thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT	1.710.750
Tổng cộng tiền thanh toán					18.818.250
Bằng chữ: Mười tám triệu tám trăm mười tám ngàn hai trăm năm mươi đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Đóng dấu, ký ghi họ tên)	

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0018107, kế toán ghi sổ chi tiết phải trả người bán như biểu 2.15 với định khoản sau:

Nợ TK 156:	17.107.500
Nợ TK 133:	1.710.750
Có TK 331:	18.818.250

Ví dụ 3: Ngày 11/06/2014, công ty thanh toán tiền hàng của lô hàng nhập kho ngày 10/06 cho Hồng Hà. Kế toán viết phiếu chi như biểu số 2.17

Biểu số 2.17: Phiếu chi số 27

CÔNG TY TNHH ĐTTM PHÚC LAI	Mẫu số 02
79 lô 27 Lê Hồng Phong – Ngô Quyền – Hải Phòng	Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Quyển số 1

Ngày 11 tháng 06 năm 2014

Số CT PC27

Họ tên người nhận : Công ty Cổ phần căn phòng phẩm Hồng Hà
 Địa chỉ : 42 Lý Thường Kiệt, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Lý do nộp : Thanh toán tiền hàng cho VPP Hồng Hà
 Số tiền : 18.818.250 đ
 Số tiền viết bằng chữ:

Mười tám triệu tám trăm mười tám ngàn hai trăm năm mươi đồng chẵn

Kèm theo :

Đã nhận đủ số tiền.....

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập biểu	Thủ quỹ
Nguyễn Xuân Cần	Tăng Thị Thơm			

Căn cứ vào phiếu chi số 27 này, kế toán ghi sổ chi tiết phải trả người bán như biểu số 2.15 với định khoản như sau:

Nợ TK 331:	18.818.258
Có TK 111:	18.818.250

Ví dụ 4: Ngày 25/06/2014, thanh toán cho Hồng Hà hóa đơn ngày 04/06 và một phần nợ đầu kỳ bằng chuyển khoản, đã nhận được giấy báo nợ của ngân hàng

Biểu số 2.18: giấy báo nợ của ngân hàng ACB

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

ACB

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 25/06/2014

Kính gửi: Công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 0003426841

Số tiền bằng số: 150.000.000

Số tiền bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn

Nội dung:

Thanh toán tiền hàng cho công ty cổ phần văn phòng phẩm Hồng Hà##

Giao dịch viên

Kiểm soát

Căn cứ vào giấy báo nợ như biểu 2.18, kế toán ghi sổ chi tiết phải trả người bán như biểu 2.15 theo định khoản như sau:

Nợ TK 331: 150.000.000

Có TK 112: 150.000.00

Đối với các nhà cung cấp khác, công ty cũng theo dõi chi tiết tương tự như theo dõi phải trả công ty Hồng Hà. Cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán, kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp phải trả người bán như biểu sau:

Biểu số 2.19: Bảng tổng hợp phải trả người bán

CÔNG TY TNHH ĐTTM PHÚC LAI
79 lô 27 Lê Hồng Phong – Ngô Quyền – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN
Tài khoản:331
Tên tài khoản: Phải trả người bán
Tháng 06 năm 2014

STT	Tên nhà cung cấp	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty cổ phần văn phòng phẩm Hồng Hà		185.500.000	168.818.250	58.198.250		74.880.000
2	Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức		85.000.000	50.000.000			35.000.000
3	Công ty TNHH TM & DV điện tử Hoàng Gia		-		44.000.000		44.000.000
4	Công ty TNHH thương mại Ngọc Quỳnh	100.000.000			66.000.000	34.000.000	
	Cộng	100.000.000	395.500.000	218.818.250	168.198.250	34.000.000	153.880.000

(Nguồn: bộ phận kế toán công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai)

Căn cứ vào các chứng từ gốc tại biểu 2.14, 2.16, 2.17, 2.18, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung như biểu 2.20:

Biểu số 2.20: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH ĐTTM PHÚC LAI

79 lô 27 Lê Hồng Phong – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
04/6	HD 18086	04/6	Mua chịu một lô hàng chưa thanh toán của Hồng Hà	156 133 331	35.800.000 3.850.000	39.650.000
10/6	HD 18107	10/6	Nhập kho một lô hàng chưa thanh toán của Hồng Hà	156 133 331	17.107.500 1.710.750	18.818.250
11/6	PT 27	11/6	Trả tiền hàng cho Hồng Hà	111	18.818.250	18.818.250
					
25/6	GBN	25/6	Thanh toán nợ cho Hồng Hà	112	150.000.000	150.000.000
					
			Cộng lũy kế		1.902.113.750	1.902.113.750

(Nguồn: Bộ phận kế toán công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai)

Từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 331-Phải trả người bán như biểu sau:

Biểu số 2.21: Sổ cái tài khoản 331

CÔNG TY TNHH ĐTTM PHÚC LAI

79 lô 27 Lê Hồng Phong – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 06 năm 2014

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			<u>295.500.000</u>
04/6	HĐ 18086	04/6	Mua chịu một lô hàng của Hồng Hà	156 133		35.800.000 3.580.000
10/6	HĐ 18107	10/6	Nhập kho một lô hàng của Hồng Hà	156 133		17.107.500 1.710.750
11/6	PT 27	11/6	Trả tiền hàng cho Hồng Hà	111	18.818.250	
15/6	HĐ 0456	15/6	Mua chịu một lô hàng của Ngọc Đức	156 133		40.000.000 4.000.000
					
			Cộng số phát sinh		218.818.250	168.198.250
			Số dư cuối tháng			<u>119.880.000</u>

(Nguồn: Bộ phận kế toán công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai)

2.4. Thực trạng phân tích tình hình tài chính thông qua phân tích tình hình, nhu cầu và khả năng thanh toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai.

Biểu số 2.22: Bảng cân đối kế toán (rút gọn) năm 2013

STT	Nội dung	Số dư cuối năm
A	Tài sản ngắn hạn	9.679.839.581
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.780.485.480
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-
III	Phải thu khách hàng	2.433.145.489
IV	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	692.683.967
V	Hàng tồn kho	4.773.524.645
B	Tài sản dài hạn	-
I	Tài sản cố định	2.558.000.000-
II	Bất động sản đầu tư	-
III	Các khoản phải thu dài hạn	229.558.109
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-
V	Tài sản dài hạn khác	3.000.000.000
	Tổng cộng tài sản	15.467.397.690
A	Nợ phải trả	13.359.347.756
I	Nợ ngắn hạn	6.981.952.000
II	Phải trả người bán	590.706.010
III	Các khoản phải trả khác	5.786.689.552
B	Nguồn vốn	
I	Vốn chủ sở hữu	
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.800.000.000
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	308.050.127
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-
	Tổng cộng nguồn vốn	15.467.397.690

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai)

Thực trạng tài chính của doanh nghiệp chịu ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình, nhu cầu và khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Qua bảng cân đối kế toán (Biểu số 2.22) cho thấy được tình hình tài sản hiện có và nguồn vốn hình thành nên tài sản đó của công ty. Căn cứ vào bảng cân đối kế toán có thể nhận xét, đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp. Tuy nhiên để thấy rõ hơn một cách cụ thể tình hình tài chính của công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai hiện tại và tương lai, cần xác định được các chỉ tiêu phân tích nhu cầu và khả năng thanh toán của công ty qua biểu sau:

Biểu số 2.23: Bảng tính toán các chỉ tiêu phản ánh tình hình thanh toán năm 2013

STT	Chỉ tiêu	Kết quả (lần)
1	Hệ số thanh toán tổng quát	1.15
2	Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	0.14
3	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	0.70

Qua tính toán ở trên ta có thể thấy được tình hình và khả năng thanh toán của doanh nghiệp với các khoản nợ phải trả cũng như các khoản phải thu.

- Hệ số thanh toán tổng quát:

$$\text{Hệ số thanh toán tổng quát (H1)} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Nợ phải trả}}$$

$$\text{Hệ số thanh toán tổng quát (H1)} = \frac{15.467.397.690}{13.359.347.756}$$

Kết quả bằng 1.15 tức là tổng tài sản bằng 1,15 lần nợ phải trả, cho thấy được khả năng thanh toán của doanh nghiệp là tốt, tình hình tài chính của doanh nghiệp có thể đảm bảo được khả năng thanh toán của doanh nghiệp với nhà cung cấp.

- Hệ số về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn

$$\text{Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn (H2)} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

$$\text{Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn (H2)} = \frac{9.679.839.581}{6.981.952.000}$$

Kết quả bảng 0.14 cho thấy khả năng thanh toán của doanh nghiệp chưa cao, 0.14 còn rất xa mới bằng 1, cho thấy được tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp không thể đảm bảo được với số nợ ngắn hạn mà doanh nghiệp đang nợ.

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh:

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh (H3)} = \frac{\text{TSNH - HTK}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh (H3)} = \frac{9.679.839.581 - 4.773.524.645}{6.981.952.000}$$

Kết quả bảng 0.7 cho thấy khả năng thanh toán với các khoản nợ tới và quá hạn tương đối khó khăn, tuy nhiên hệ số đã tiến gần đến 1 chứng tỏ doanh nghiệp tạm thời chưa phải lo về việc quay vòng tài chính để trả nợ.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN NHẪM QUẢN LÝ TỐT CÔNG NỢ TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI PHÚC LAI

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại Phúc Lai là một doanh nghiệp kinh doanh đồ dùng văn phòng phẩm loại nhỏ. Để có thể đứng vững trên thị trường hiện nay công ty đã không ngừng nỗ lực chủ động thiết lập nhiều mối quan hệ, mở rộng hoạt động kinh doanh. Hoạt động kinh doanh được mở rộng, bạn hàng của công ty cũng nhiều hơn. Ngoài các bạn hàng truyền thống còn có các bạn hàng mới cùng với lượng giao dịch ngày càng nhiều thêm. Chính vì thế, công tác kế toán thanh toán, đối chiếu công nợ với nhà cung cấp và khách hàng của công ty ngày càng được coi trọng và hoàn thiện hơn trước. Việc quản lý tốt phần hành kế toán thanh toán với người mua, người bán sẽ góp phần giúp công ty quản lý tốt được tình hình tài chính của mình, tránh gặp những rủi ro đáng tiếc như nợ xấu, nợ không trả được.

Trong công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai, kế toán thanh toán còn có ưu và nhược điểm. Việc tìm ra các ưu điểm và nhược điểm là một điều cần thiết để kế toán có thể phát huy những điểm mạnh và hạn chế, tìm cách khắc phục những điểm yếu để công tác quản lý tài chính ngày các có hiệu quả hơn.

3.1.1. Ưu điểm

Trong những năm vừa qua, bộ phận kế toán của công ty không ngừng đổi mới, nâng cao hiệu quả của công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng để đảm bảo cung cấp cho lãnh đạo công ty cùng những người quan tâm thông tin hợp lý, trung thực và kịp thời nhất, phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

- Về tổ chức bộ máy kế toán: Công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai là một công ty nhỏ nên theo mô hình tập trung, đây là mô hình tối ưu đối với công ty. Bộ máy kế toán hợp lý, phân công nhiệm vụ rõ ràng với các kế toán những phần hành cụ thể. Đội ngũ kế toán viên là những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm lâu năm, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán chính xác và kịp thời.

- Về hình thức sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ “Nhật ký chung”. Hình thức kế toán này có ưu điểm đơn giản, dễ áp dụng, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian và định khoản. Tuy nhiên hình thức này cũng có nhược điểm là khối lượng công việc ghi chép lớn do các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cùng một lúc phải ghi chép vào nhiều loại sổ khác nhau. Việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp với trình độ đội ngũ cán bộ kế toán, tình hình trang bị phương tiện kỹ thuật trong công tác tính toán, xử lý thông tin, phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý của lãnh đạo công ty.
- Về hệ thống tài khoản kế toán, hệ thống tài khoản kế toán do Bộ tài chính ban hành theo Quyết định 15/2006/ QĐ – BTC được công ty áp dụng đầy đủ, việc mở các tài khoản chi tiết cũng rất hợp lý và khoa học.
- Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.
- Công tác thanh toán: Công tác thanh toán nợ được đánh giá chung là tốt. Công ty thường không để dư nợ quá hạn, nợ đọng mà luôn thu xếp thanh toán, chi trả đúng hạn, kịp thời và đầy đủ. Trong mọi quan hệ thanh toán, công ty tận dụng chủ yếu hình thức thanh toán chuyển khoản. Đây là hình thức tiện lợi, nhanh chóng và đảm bảo. Nhìn chung, công tác quản lý và thanh toán nợ phải trả nhà cung cấp, công ty thực hiện tốt. Đây là một điểm tổ tạo được uy tín đối với các nhà cung cấp, từ đó gián tiếp tạo cho quá trình kinh doanh của công ty luôn được liên tục, đáp ứng nhu cầu về vật tư thiết bị cho khách hàng ngay cả thời điểm khủng hoảng kinh tế trong năm vừa qua.
- Công tác thu đòi công nợ: Để công tác thu đòi công nợ được tiến hành kịp thời, chính xác kế toán công nợ đã được phân công tiến hành kiểm soát, lập hồ sơ, lưu hồ sơ, tổ chức thu đòi công nợ một cách chặt chẽ và thường xuyên, có sự quản lý và góp ý đúng mực của bộ phận quản lý. Ngoài việc chuẩn bị hồ sơ thanh toán tốt, các cán bộ kế toán công nợ luôn có sự linh hoạt trong tìm hiểu thông tin và tiếp cận khách hàng.

3.1.2. Nhược điểm

Về cơ bản thì việc tổ chức kế toán thanh toán ở công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai là phù hợp và đúng theo chế độ kế toán hiện hành, nhưng không thể tránh khỏi một số sai sót sau:

- Thứ nhất là việc hiện nay công ty vẫn sử dụng các công cụ hạch toán thủ công trong khi hiện nay công nghệ thông tin lan tràn, việc sử dụng những phần mềm máy tính để hỗ trợ cho các công việc là vô cùng cần thiết.
- Thứ hai là việc công ty không có những trích dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi. Dù là một công ty nhỏ, nhưng không thể không phòng tránh các trường hợp nợ xấu có thể xảy ra dẫn đến không thu hồi được nợ và làm ảnh hưởng đến tài chính của doanh nghiệp.
- Thứ ba là công ty có doanh thu tương đối lớn, nhưng có đến gần 40% là thanh toán sau nhưng chiết khấu thanh toán lại không được sử dụng một cách linh hoạt. Công ty có cho chiết khấu nhưng chỉ có duy nhất một mức chiết khấu dành cho tất cả các khách hàng. Chiết khấu thanh toán chính là một lợi ích mà khách hàng không thể bỏ qua khi xác định trả nợ. Đây là một công cụ xúc tiến trong quá trình thanh toán nợ nần.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán

Ngày nay, nền kinh tế thị trường mở ra cho doanh nghiệp rất nhiều cơ hội nhưng không kém phần những thách thức. nhất là vào thời kỳ kinh tế hiện nay. Nếu doanh nghiệp nào biết khắc phục những hạn chế, khó khăn thì sẽ tạo đà cho doanh nghiệp vững bước tiến lên. Để hòa nhập với nền kinh tế thế giới, trong những năm gần đây, nước ta đã không ngừng hoàn thiện chế độ, chuẩn mực kế toán nhằm giảm bớt sự khác biệt giữa kế toán Việt Nam và kế toán thế giới, tạo ra các cơ hội cho các doanh nghiệp hội nhập và phát triển.

Kinh tế thế giới vừa trải qua giai đoạn khủng hoảng đang trên đà hồi phục, nhưng hồi phục rất chậm. Những bất ổn chính trị trên thế giới hiện nay ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Lạm phát tăng cao, giá vật tư, hàng hóa tăng cao, nợ xấu khó đòi.... Để cạnh tranh được trên thị trường, các doanh nghiệp không ngừng nâng cao cải thiện công tác quản lý, tổ chức, thay đổi, đa dạng các loại hình sản phẩm. Đối với một doanh nghiệp, vốn kinh doanh là vấn đề vô cùng bức thiết, nhất là một

công ty thương mại như công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai thì vốn đề quy vòng hoạt động kinh doanh là vô cùng quan trọng. Là một công ty với việc kinh doanh chính là thương mại thì các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán là khá nhiều. Giải quyết tốt vấn đề công nợ là một cách tích cực để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh phát triển. Vì vậy, công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai đã không ngừng đổi mới, hoàn thiện để đứng vững trên thị trường. Đặc biệt là công tác kế toán nói chung, công tác kế toán thanh toán nói riêng đang ngày càng được coi trọng.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán

Trong giai đoạn mở cửa hội nhập kinh tế với các nước trong khu vực và trên thế giới, trong sự cạnh tranh như vũ bão của các doanh nghiệp trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay, muốn tồn tại và phát triển thì mỗi doanh nghiệp phải có những định hướng riêng, mang tính độc đáo thì mới có thể phát triển được. Trước tiên, Công ty phải không ngừng hoàn thiện và đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm kinh doanh của mình, có như thế thì kế toán mới trở thành một công cụ quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Đặc biệt với các công ty thương mại, việc thực hiện công tác luân chuyển vốn trong kinh doanh làm tăng vòng quay của vốn là vô cùng quan trọng để từ đó duy trì tốt hoạt động kinh doanh của mình. Muốn vậy, hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng là một vấn đề hết sức quan trọng hiện nay.

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

Thứ nhất, cần đảm bảo sự phù hợp giữa tổ chức kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung.

Thứ hai, đảm bảo sự thống nhất giữa chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh

Thứ ba, đảm bảo sự tiết kiệm hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp.

Thứ tư, đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản trị vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời chính xác để nhà quản trị ra quyết định đúng đắn.

Đối với doanh nghiệp thương mại thì nghiệp vụ thanh toán là khâu vận động thường xuyên. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận, phản ánh kết quả kinh doanh của một thời kỳ. Vì thế, kế toán thanh toán ở các doanh nghiệp là một công việc phức tạp và hết sức quan trọng. Kế toán thanh toán có vai trò quan trọng trong quá trình xử lý, thu thập, cung cấp thông tin và tài liệu về quá trình thanh toán cho doanh nghiệp, giúp cho việc đánh giá chất lượng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Xuất phát từ vai trò quan trọng đó mà kế toán thanh toán luôn đòi hỏi đổi mới, hoàn thiện cho phù hợp với doanh nghiệp, với cơ chế quản lý kinh tế mới. Thực tế cho thấy có rất nhiều đơn vị hạch toán các nghiệp vụ thanh toán chưa được chính xác, điều đó gây ra sự sai lệch thiếu chính xác về hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Như vậy xuất phát từ những thực tiễn trên, vậy đổi mới hoàn thiện, tổ chức các nghiệp vụ thanh toán một cách đúng đắn, hợp lý và chính xác là đòi hỏi khách quan phù hợp với quy luật chung, với thực trạng quản lý kinh tế trong các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp sản xuất nói riêng nhất là trong cơ chế thị trường hiện nay, trong sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp.

3.4. Nội dung và phương thức hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán nhằm quản lý tốt công nợ tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

Căn cứ vào những nghiên cứu thực tiễn về tình hình hạch toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai và trên cơ sở, yêu cầu, nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán em xin đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với khách hàng, nhà cung cấp như sau:

3.4.1. Kiến nghị 1: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi giúp cho doanh nghiệp hạn chế tối đa số tổn thất phải chịu khi có một khách hàng xảy ra sự cố không thể đòi được nợ.

Căn cứ để trích lập dự phòng là dựa vào văn bản pháp luật là thông tư số 228/2009 – BTC, sửa đổi và bổ sung theo thông tư số 34/2011 – BTC và thông tư số 89/2013 – BTC.

Nợ khó đòi hay gọi là nợ xấu đó là các khoản nợ dưới chuẩn, có thể quá hạn và bị nghi ngờ về khả năng trả nợ lẫn khả năng thu hồi vốn của chủ nợ, điều này thường xảy ra khi các con nợ đã tuyên bố phá sản hoặc đã tẩu tán tài sản. Nợ xấu gồm các khoản nợ quá hạn trả lãi hoặc gốc trên thường quá ba tháng căn cứ vào khả năng trả nợ của khách hàng để hạch toán các khoản vay vào các nhóm thích hợp. Gồm có:

- + Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.
- + Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Những khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên coi như nợ không có khả năng thu hồi.

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang

thi hành án ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Việc trích lập dự phòng như thế này sẽ hạch toán theo tài khoản 139, đây là tài khoản này dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.

Kết cấu của tài khoản 139: dự phòng phải thu khó đòi:

Bên Nợ:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi;
- Xoá các khoản nợ phải thu khó đòi.

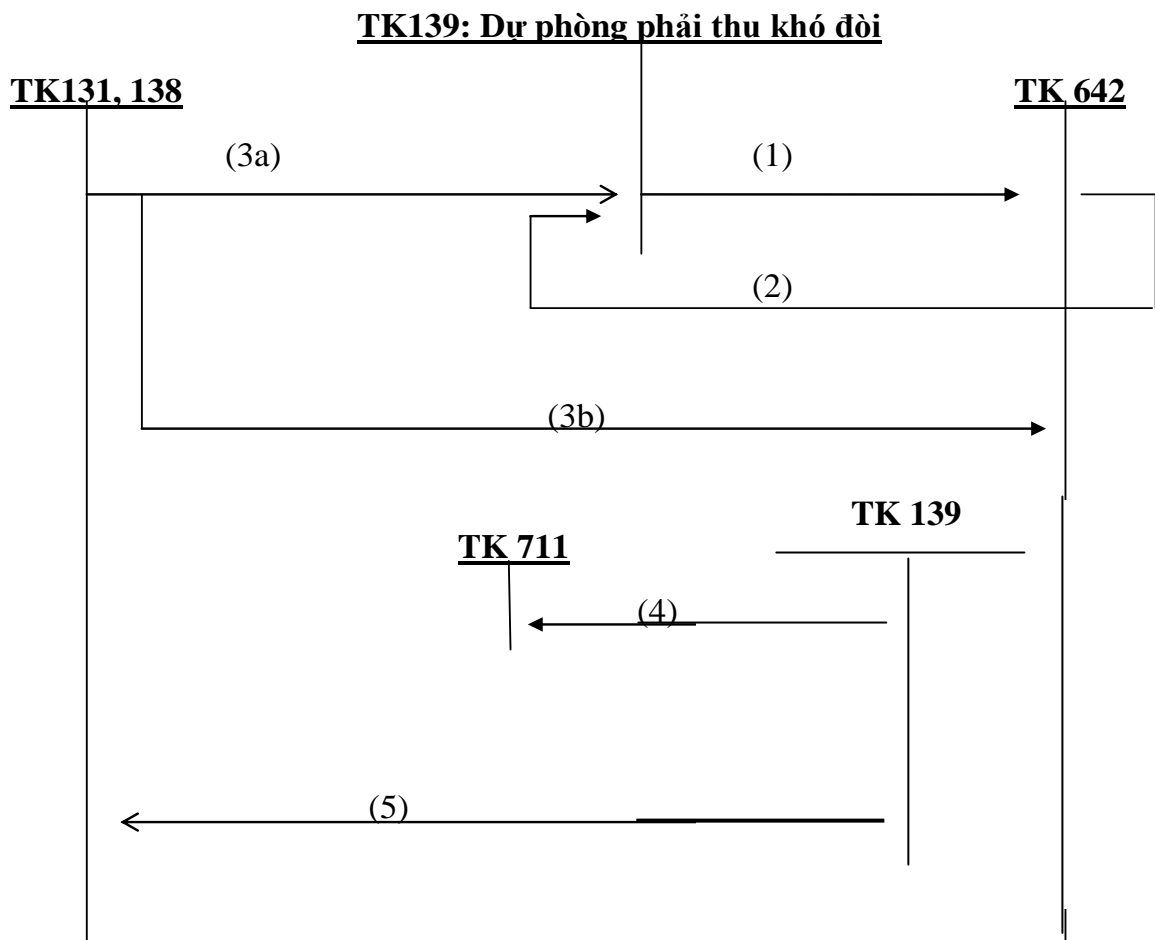
Bên Có:

Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Số dư bên Có:

Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

Các nghiệp vụ liên quan đến trích, lập dự phòng và xử lý dự phòng được thể hiện như sơ đồ 3.1 sau đây:

Sơ đồ 3.1: Trình tự hạch toán tài khoản 139 – dự phòng phải thu khó đòi

(Nguồn chế độ kế toán quyển 2)

Chú giải:

- (1): Lập dự phòng phải thu khó đòi (theo số chênh lệch phải lập kỳ này lớn hơn số đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
- (2): Hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi (Theo số chênh lệch kỳ này nhỏ hơn số đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
- (3a): Xóa sổ nợ phải thu khó đòi (đã lập dự phòng).
- (3b): Xóa sổ nợ phải thu khó đòi (phần được tính vào chi phí)
- (4): Tiền thu từ việc bán nợ cho công ty mua bán nợ.
- (5): Nợ khó đòi đã có thể đòi được (sau khi đánh giá lại tình trạng nợ)

3.4.2. Kiến nghị 2: Hoàn thiện chính sách chiết khấu trong thanh toán

Mỗi khách hàng đều mong muốn được lợi, việc áp dụng chính sách chiết khấu trong thanh toán góp phần làm cho đẩy nhanh việc thanh toán từ phía người mua. Chính sách chiết khấu càng hấp dẫn thì khách hàng càng thanh toán nhanh, doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh và vòng quay vốn được lâu dài.

Công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai đã có chính sách chiết khấu thanh toán nhưng chưa linh hoạt, thường chỉ áp dụng cho những khách hàng lớn và mức chiết khấu áp dụng chưa linh hoạt.

Việc quy định chiết khấu thanh toán được tính dựa trên lãi suất ngân hàng và thời hạn thanh toán mà doanh nghiệp đã thỏa thuận cùng khách hàng.

Nội dung chính sách chiết khấu thanh toán:

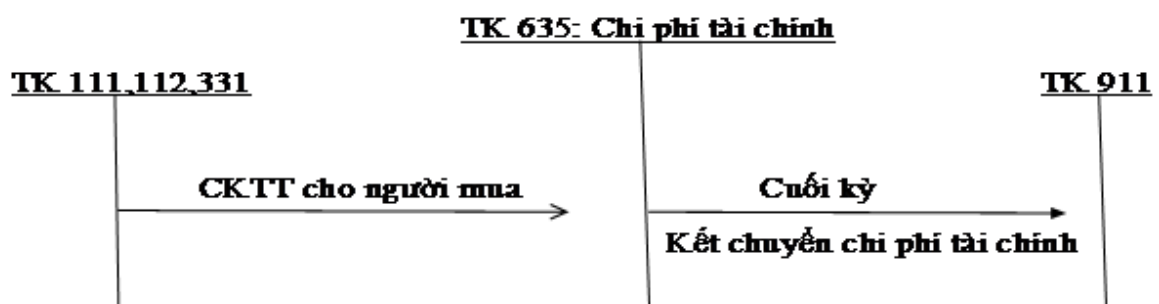
Lãi suất ngân hàng ACB cho tiền gửi có kỳ hạn 1 năm là 5.53% (thời điểm 01/07/2014). Thời hạn thanh toán tối đa là 40 ngày sau khi bên mua đã nhận được hàng hóa. Kể từ thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về hàng hóa, khách hàng sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán khi thanh toán trong thời gian quy định và được hưởng mức chiết khấu như sau:

- + Nếu khách hàng thanh toán sớm trong khoảng thời gian 10 ngày đầu tiên, mức hưởng chiết khấu bằng đúng lãi suất ngân hàng là 5.53%, khi đó, khách hàng sẽ được trừ vào nợ phải thu số tiền là 5.53%
- + Nếu khách hàng thanh toán trong khoảng thời gian 10 này tiếp theo, mức chiết khấu sẽ là 5%
- + Khách hàng thanh toán trong khoảng thời gian từ ngày thứ 21 đến ngày thứ 30, mức chiết khấu là 4.5%
- + Bắt đầu từ ngày thứ 31 đến hạn thanh toán, khách hàng sẽ chỉ còn được hưởng chiết khấu là 4%
- +Hết hạn thanh toán khách hàng sẽ không được hưởng chiết khấu.

Bảng 3.1: Tỷ lệ chiết khấu được áp dụng

Số ngày thanh toán sớm	30 – 39 ngày	20 - 29 ngày	10 - 19 ngày	1 – 9 ngày
Tỷ lệ chiết khấu được hưởng	5.53 %	5 %	4.5 %	4 %

Nghiệp vụ chiết khấu được hạch toán như sau:

Sơ đồ 3.2: Sơ đồ hạch toán tài khoản 635

3.4.3. Kiến nghị 3: Tin học hóa công tác kế toán

Tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao Tài sản cố định hàng tháng. Công việc kế toán được tổng hợp vào cuối tháng cho nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Vì vậy, công ty cần quan tâm hơn trong việc đầu tư các phần mềm kế toán cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 103/2005/TT-BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán” hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

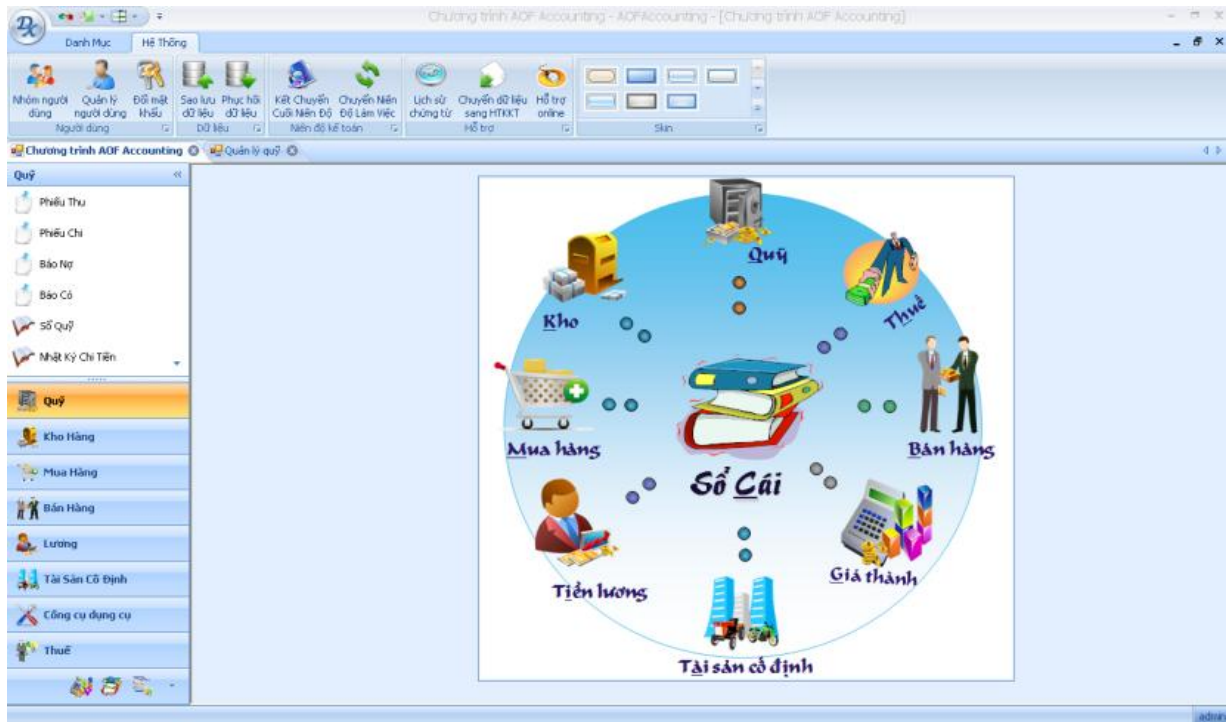
- Phần mềm kế toán AOFAccounting
- Phần mềm kế toán FAST
- Phần mềm kế toán MISA

Trong đó phần mềm kế toán máy MISA có giao diện dễ sử dụng, có đầy đủ các danh mục, phần hành hạch toán, có phần quản lý khách hàng, nhà cung cấp riêng, dễ dàng cho kế toán viên trong quá trình quản lý công nợ.

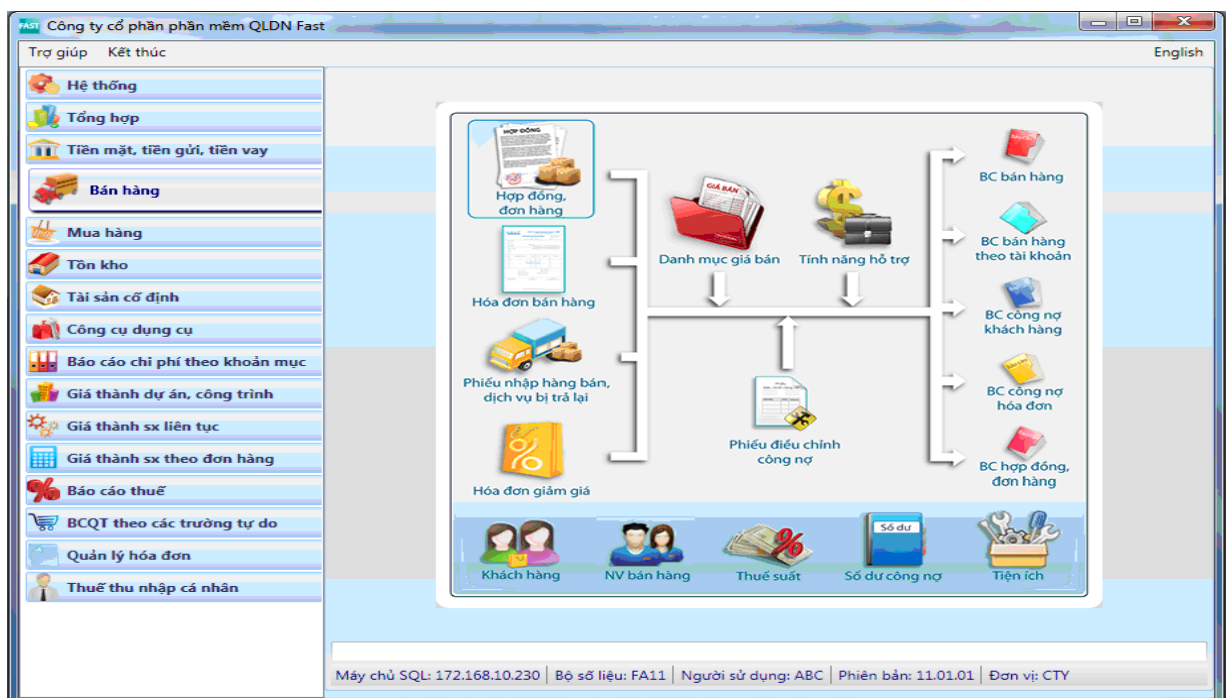


Hình 1: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy MISA SME.Net 2012

Ngoài ra hai phần mềm còn lại giao diện đẹp, cũng dễ sử dụng



Hình 2: Giao diện hoạt động của phần mềm kế toán máy AOF Accounting



Hình 3: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy FAST

Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm sức lao động mà hiệu quả công việc cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn hơn.

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán tại công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại Phúc Lai

Để hoàn thiện kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo các điều kiện sau:

3.5.1. Về phía nhà nước

Kế toán là công cụ phục vụ quản lý kinh tế, gắn liền với hoạt động quản lý. Và kế toán là công cụ quản lý tài chính rất quan trọng. Do vậy, nhà nước cần có các hành động để giúp cho doanh nghiệp hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung cũng như tổ chức kế toán thanh toán nói riêng tại đơn vị mình.

- Cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống kế toán cũng như hệ thống chuẩn mực kế toán, tạo khung pháp lý thuận lợi để từ đó các doanh nghiệp có thể xây dựng, tổ chức hệ thống kế toán của mình. Hiện nay, hệ thống kế toán của Việt Nam vẫn đang từng bước được hoàn thiện, hệ thống chuẩn mực tiếp tục được bổ sung những chuẩn mực mới và điều chỉnh những vấn đề chưa phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của kinh tế thị trường.

- Cần tăng cường các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp về công tác tổ chức hạch toán kế toán.

3.5.2. Về phía doanh nghiệp

Để phù hợp và đáp ứng các yêu cầu của cơ chế quản lý trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN, đòi hỏi việc tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng trong các doanh nghiệp phải tuân thủ các điều kiện sau:

+ Tổ chức công tác kế toán tài chính phải đúng những quy định trong Luật kế toán và Chuẩn mực kế toán.

+ Tổ chức công tác kế toán tài chính phải phù hợp với các chế độ, chính sách, thể lệ văn bản pháp quy về kế toán do Nhà nước ban hành.

+ Tổ chức công tác kế toán tài chính phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý, quy mô và địa bàn hoạt động của doanh nghiệp.

+ Tổ chức công tác kế toán tài chính phải phù hợp với yêu cầu và trình độ nghiệp vụ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kế toán.

+ Tổ chức công tác kế toán tài chính phải đảm bảo nguyên tắc Đội ngũ nhân viên của Công ty nói chung cũng như đội ngũ nhân viên kế toán của Công ty nói riêng có tuổi đời khá trẻ, năng động và nhiệt tình trong công việc.

Những điều kiện trên phải được thực hiện một cách đồng bộ mới có thể tổ chức thực hiện tốt và đầy đủ được các nội dung trong công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp. Hy vọng Công ty sẽ xem xét, áp dụng vào thực tế để nâng cao hiệu quả công tác kế toán nói chung cũng như kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty.

KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập một tháng, em đã tìm hiểu thực tế về công tác kế toán của Công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai . Có thể nhận thấy rằng, công tác hạch toán - kế toán thanh toán và quản lý công nợ với khách hàng và nhà cung cấp tại Công ty hiện nay đang phát huy được hiệu quả nhờ đảm bảo khá tốt tình hình thanh toán và xử lý công nợ, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của Công ty. Tuy vậy, cũng không thể khẳng định chắc chắn rằng : Kết quả khả quan hiện nay có thể đảm bảo vững chắc cho sự tăng trưởng và phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy, tích cực hoàn thiện công tác hạch toán kế toán trong thanh toán, đảm bảo sự phù hợp giữa thực tế làm việc với các quy chế điều chỉnh sẽ đưa Công ty nhanh chóng hòa nhập chung vào hệ thống kế toán quốc gia và quốc tế, từ đó tạo tiền đề tốt cho những bước phát triển mới của Công ty trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế.

Khóa luận đã đề cập những vấn đề lý luận chung và đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán công nợ tại Công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

Về lý luận: Khóa luận đã hệ thống hóa lý luận chung về công tác kế toán hạch toán công nợ trong các doanh nghiệp.

Về thực tiễn: Khóa luận phản ánh trung thực, khách quan về thực trạng công tác kế toán thanh toán công nợ tại công ty với số liệu năm 2014 minh chứng cho các lập luận đưa ra.

Sau khi đánh giá công tác tổ chức kinh doanh, tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán, đặc biệt đi sâu đánh giá công tác kế toán thanh toán công nợ, khóa luận đã đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán công nợ tại Công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai

Kiến nghị 1: Lập trích dự phòng phải thu khó đòi

Kiến nghị 2: Hoàn thiện chính sách sách chiết khấu của công ty

Kiến nghị 3: Tin học hóa công tác kế toán tại công ty

Em hy vọng rằng với những ý kiến đóng góp đã đưa ra có thể Công ty sử dụng như những thông tin mang tính chất tham khảo, nhằm không những nâng cao hiệu quả quản lý công nợ trong thanh toán và còn phục vụ đắc lực cho quá trình kinh doanh của Công ty.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của **thầy giáo, thạc sỹ Nguyễn Đức Kiên**, cũng như sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo cùng các cô chú cán bộ, nhân viên bộ phận Kế toán của công ty TNHH đầu tư thương mại Phúc Lai đã giúp em hoàn thành đề tài này.

Tuy nhiên, dưới góc độ là một sinh viên thực tập, chưa có nhiều kinh nghiệm, trình độ nhận thức còn hạn chế nên trong bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo để khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, tháng 11 năm 2014

Sinh viên

Chu Thị Hằng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. TSNguyễn Thị Đông. 2009. Lý thuyết hạch toán kế toán: NXB Đại học kinh tế quốc dân.
2. TS. Phan Đức Dũng. 2009 Kế toán tài chính, Đại học quốc gia Hồ Chí Minh: NXB Thống Kê.
3. TS Đặng Thị Loan. 2009. Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp: NXB Đại học kinh tế quốc dân.
4. PGS. TS Võ Văn Nhị. 2011. Hướng dẫn đọc, lập, phân tích báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị, Trường đại học kinh tế Hồ Chí minh: NXB Thống Kê.
5. Chế độ kế toán (Quyển 2). 2012. Bộ Tài Chính. Nhà xuất bản Lao Động.